



PETROLIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Xóm 13, xã Nghi Kim, thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 038.3851076

THÔNG BÁO

**MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Kính gửi cổ đông:
Địa chỉ:

Số ĐKNSH:
Số lượng sở hữu:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội cổ đông bất thường năm 2022 như sau:

1. Thời gian: 8h00, ngày 16 tháng 01 năm 2023

2. Địa điểm: Hội trường Trung tâm đào tạo & sát hạch lái xe PTS, Công ty PTS Nghệ Tĩnh, số 81 đường Nghệ An - Xiêng Khoảng, xóm 13, xã Nghi Kim, thành phố Vinh, Nghệ An.

3. Nội dung Đại hội: Thông qua việc chuyển giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (MCK: PTX) từ thị trường UpCom lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế QTNB, Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS.

4. Thành phần tham dự

4.1 Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 21/12/2022 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

4.2 Trường hợp cổ đông không trực tiếp tham dự có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội (hoặc thành viên Hội đồng quản trị). Người được ủy quyền phải xuất trình giấy ủy quyền (theo mẫu gửi kèm) và giấy CMND, CCCD hoặc hộ chiếu khi dự ĐHCĐ.

5. Đăng ký tham dự Đại hội

5.1 Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc tham dự họp Đại hội hoặc ủy quyền dự họp (theo mẫu gửi kèm) và gửi trực tiếp theo đường bưu điện hoặc fax về Văn phòng Công ty (theo thông tin liên hệ Mục 6 dưới đây) trước 16 giờ 00 phút ngày 12 tháng 01 năm 2023.

5.2 Quý cổ đông có thể tham khảo hoặc tải tài liệu họp và một số tài liệu khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 trên website Công ty: <http://ptsnghetinh.petrolimex.com.vn>

6. Thông tin liên hệ:

Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh

- Địa chỉ: Xóm 13, xã Nghi Kim, thành phố Vinh, Nghệ An
- Điện thoại: 0238.3851076
- Fax: 0238.3851886

Lưu ý: Khi đến tham dự Đại hội, đề nghị Quý cổ đông mang theo thông báo mời họp, giấy đăng ký hoặc giấy ủy quyền dự Đại hội, Chứng minh thư nhân dân, CCCD hoặc hộ chiếu.

Trân trọng thông báo!


Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP HĐQT, Vt.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT

Hoàng Công Thành

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
ĐĂNG KÍ THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2022

Kính gửi: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh

- Tên cá nhân/tổ chức:.....
- Số CMND/HC/GPĐKKD Số:..... Ngày cấp : Nơi cấp:
- Địa chỉ :
- Điện thoại:.....
- Số cổ phần sở hữu:
- (Bằng chữ :

Tôi/Chúng tôi đã nhận được thông báo mời tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh và đồng ý xác nhận sẽ tham dự Đại hội.

....., ngày ... tháng ... năm 2022
CỔ ĐÔNG
(Kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

*** Ghi chú:**

1. Quý cổ Cổ đông khi tham dự vui lòng đem theo chứng minh thư nhân dân (CMTND) hoặc hộ chiếu (bản chính)
2. Đối với trường hợp người được ủy quyền tham dự đại hội hồ sơ bao gồm: Giấy ủy quyền tham dự (theo mẫu công ty) trong đó ghi đầy đủ thông tin, số điện thoại bên ủy quyền, và xuất trình CMTND hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính).
3. Quý cổ đông có thể gửi giấy đăng ký này qua Fax, hoặc đường bưu điện về Công ty trước 16h00' ngày 12/01/2023:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH
Địa chỉ: Xóm 13, xã Nghi Kim, thành phố Vinh, Nghệ An
Điện thoại: 038.3851076



....., ngày ... tháng ... năm 2022

GIẤY ỦY QUYỀN

Về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh

Kính gửi: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTX)

1. Bên ủy quyền:

- Tên cá nhân/tổ chức:
- Số CMND/HC/GPĐKKD Số:..... Ngày cấp : Nơi cấp:
- Địa chỉ :
- Điện thoại (bắt buộc ghi):.....
- Số cổ phần sở hữu:
- (Bằng chữ :

2. Bên được ủy quyền:

- Tên cá nhân :
- Số CMND/HC: Ngày cấp : Nơi cấp:
- Địa chỉ :
- Điện thoại:
- Số cổ phần được ủy quyền :
- (Bằng chữ :

Hoặc Quý cổ đông có thể ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty theo danh sách dưới đây:

STT	Họ Tên	Chức danh	Số cổ phần ủy quyền
1	Ông Hoàng Công Thành	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Mạnh Xuân Hùng	Ủy viên HĐQT	
3	Ông Đào Ngọc Tiến	Ủy viên HĐQT	
Tổng số cổ phần ủy quyền			

3. Nội dung ủy quyền :

Tham dự ĐHĐCĐ bất thường 2022 và thực hiện quyền biểu quyết.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường 2022 của PTX. Bên được ủy quyền không được ủy quyền lại cho bất kỳ bên thứ ba nào.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ PTX.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì cần có thêm chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của tổ chức
- Đối với trường hợp người được ủy quyền tham dự đại hội hồ sơ bao gồm: Giấy ủy quyền tham dự (theo mẫu công ty) trong đó ghi đầy đủ thông tin, số điện thoại bên ủy quyền, và xuất trình CMTND hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính).
- Quý cổ đông có thể gửi giấy đăng ký này qua email: tuanna.ptsnt@petrolimex.com.vn hoặc đường bưu điện: Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh, Xóm 13, xã Nghi Kim, thành phố Vinh, Nghệ An, **trước 16h00' ngày 12/01/2023.**



QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán của Nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh.

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTX) được tổ chức và thực hiện theo quy chế sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh diễn ra đúng quy định.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các Đại biểu, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên PTS Nghệ Tĩnh đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh.

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông (Theo Điều 19 Điều lệ Công ty)

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ

đồng triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 4. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của PTX và người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày .../.../2022) đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;

2. Cổ đông và/hoặc đại diện theo uỷ quyền sau đây được gọi là “Đại biểu” khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội;

3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;

4. Các Đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;

5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;

6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc không để chuông.

Điều 5. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 02 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 01 thành viên. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của PTX.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình của Hội đồng Quản trị (HĐQT) được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội;

b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 6. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban Tổ chức Đại hội); chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

- a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách Đại biểu dự họp (khi cần thiết);
- b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và gửi thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các Đại biểu khi được yêu cầu;
- c. Tiếp nhận, rà soát Phiếu thảo luận, các ý kiến của Đại biểu, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
- d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản Đại hội;
- e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 04 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 03 thành viên do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban Tổ chức Đại hội) và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết tại Đại hội;
- Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho Ban Thư ký;
- Thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định tại Quy chế này.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.

Điều 8. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu thảo luận và chuyển cho Ban Thư ký;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các Phiếu thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 9. Biểu quyết thông qua các vấn đề

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận công khai và tiến hành biểu quyết công khai bằng thẻ biểu quyết.

- Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết quá một lần trong tổng số ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu/Ban kiểm tra tư cách đại biểu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến, Không hợp lệ.

- Trường hợp Đại biểu hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi việc bỏ Phiếu Biểu quyết kết thúc vẫn được đăng ký đại biểu và biểu quyết với những vấn đề phát sinh sau khi Đại biểu đó đăng ký đại biểu nhưng không được phép tham gia biểu quyết những vấn đề đã được bỏ phiếu xong. Trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

- Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

- Các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Đối với các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số Phiếu Biểu Quyết của tất cả Đại Biểu dự họp biểu quyết “tán thành”.

Điều 10. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Chủ tịch Đoàn Chủ tịch xin ý kiến ĐHĐCĐ về việc thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết đại hội.

Điều 11. Thi hành Quy chế

Đại biểu dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Đại biểu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này gồm 11 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông PTX biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Công Thành



Vinh, ngày 16 tháng 01 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2022

Thời gian : 7h30, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Địa điểm : Hội trường Trung tâm ĐT&SHLX PTS, Xóm 13, xã Nghi Kim, Tp.Vinh, Nghệ An

STT	Thời gian	Nội dung
1	07:30 – 8:00	Đón tiếp cổ đông và Đại biểu tham dự, phát tài liệu
2	08:00 – 08:05	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
3	08:05 – 08:15	Chào cờ, khai mạc Đại hội, giới thiệu đại biểu
4	08:15 – 08:30	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban chủ tọa Đại hội
5	08:30 – 08:45	Chỉ định Ban thư ký Đề xuất và thông qua Ban kiểm phiếu Thông qua Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2022 Thông qua chương trình Đại hội
6	8:45 – 9:45	Thông qua Tờ trình chuyển sàn giao dịch cổ phiếu của Công ty từ thị trường UpCom lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ, Quy chế QTNB, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS
7	9:45 – 10:15	Thảo luận các vấn đề biểu quyết
8	10:15 – 10:25	Đại hội biểu quyết
9	10:25 – 10:35	Công bố kết quả biểu quyết
10	10:35 – 10:45	Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội
11	10:45 – 10:50	Bế mạc đại hội



PETROLIMEX

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ

Petrolimex Nghệ Tĩnh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2021, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 có hiệu lực từ 01/03/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản pháp lý hướng dẫn thi hành;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (“Công ty”),

I. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Ngày 11/01/2022, Quốc hội đã ban hành Luật số 03/2022/QH15, trong đó có sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2022. Cùng với Luật chứng khoán 2019 bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2021, Luật



sửa đổi nhằm hoàn thiện hơn nữa khung pháp lý về quản trị doanh nghiệp, đồng thời tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với công ty đại chúng

Trên cơ sở rà soát Điều lệ tổ chức hoạt động, Hội đồng quản trị PTX nhận thấy một số điều khoản tại các văn bản này cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành. Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung được trình bày tại Phụ lục đính kèm tờ trình này.

II. Kiến nghị

Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty theo các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- TCTy PTC (để b/c);
- Lưu HDQT, BKS, BGD, website, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Công Thành

Số: /PTX-BB-ĐHĐCĐ

TP Vinh, ngày 16 tháng 01 năm 2023



BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh

Trụ sở chính: Xóm 13, xã Nghi Kim, thành phố Vinh, Nghệ An

Giấy Chứng nhận ĐKDN số 2900428497 do Sở kế hoạch và Đầu tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 06/12/2000, thay đổi lần thứ 21 ngày 19/9/2017.

Thời gian: 8 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 01 năm 2023.

Địa điểm: tại Hội trường Trung tâm đào tạo & sát hạch lái xe PTS đã diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 (sau đây được gọi tắt là “**Cuộc họp ĐHĐCĐ**”) của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (sau đây gọi tắt là “**Công ty**”).

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ, TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LỆ CỦA CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

1. Thành phần tham dự:

Cổ đông:

Ngoài các cổ đông đã tham dự như đã nêu ở mục 2 bên dưới, Đại hội còn có sự tham dự của các cổ đông và thành phần như sau:

Hội đồng quản trị (“HĐQT”): Các thành viên HĐQT có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm:

- Ông Hoàng Công Thành: Chủ tịch HĐQT Công ty
- Ông Mạnh Xuân Hùng: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
- Ông Đào Ngọc Tiến: Thành viên HĐQT.

Ban kiểm soát (“BKS”): Toàn bộ thành viên BKS đều có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm:

- Ông Trần Anh Tuấn: Trưởng BKS
- Ông Thái Văn Linh: Thành viên BKS
- Ông Nguyễn Trí Dũng: Thành viên BKS

2. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

Tại thời điểm khai mạc đại hội lúc 8 giờ 00 phút có ... cổ đông tham dự. ĐHĐCĐ bất thường năm 2022 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh đã hợp pháp, hợp lệ và được phép tiến hành theo nội dung ghi tại Phần II, Mục A của Biên bản này.

II. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

A. Thủ tục tiến hành khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ:

1. Ông Mạnh Xuân Hùng, Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty thay mặt Ban tổ chức ĐHĐCĐ tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự.
2. Ông Nguyễn Anh Nam, Trưởng Phòng CNTT thay mặt Ban tổ chức ĐHĐCĐ công bố tỷ lệ cổ đông tham dự ĐHĐCĐ với kết quả như sau:
 - Theo danh sách tham dự tính tới thời điểm lúc 8h00' thì cuộc họp ĐHĐCĐ có sự tham dự của ... cổ đông và người ủy quyền dự họp đại diện cho ... cổ phần, chiếm ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, với tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ đã hợp pháp, hợp lệ và được phép tiến hành.
3. Ông Nguyễn Trí Dũng, Trưởng phòng TCHC Công ty giới thiệu Chủ tọa cuộc họp là Ông Hoàng Công Thành và các thành viên tham gia chủ tọa đoàn gồm:
 - Ông Hoàng Công Thành: Chủ tịch HĐQT Công ty - Chủ tọa
 - Ông Mạnh Xuân Hùng: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty - Thành viên
4. Ông Hoàng Công Thành đại diện đoàn Chủ tọa đề nghị cử
 - a) Ban thư ký Đại hội
 - Ông Nguyễn Anh Tuấn- Thư ký công ty, Trưởng ban
 - Ông Nguyễn Thị Hào, CV Phòng KTTC, Ban viên.
 - b) Ban kiểm phiếu:
 - Ông Nguyễn Anh Nam: Trưởng phòng CNTT, Trưởng ban
 - Ông Phạm Huy Hoàng: PTP.TCHC, Ban viên.

Đại hội thống nhất ý kiến với tỷ lệ 100%.

5. Ông Nguyễn Anh Nam trình bày Quy chế làm việc và biểu quyết tại đại hội.

Đại hội tán thành với tỷ lệ 100%.

6. Ông Hoàng Công Thành, đại diện đoàn Chủ tọa trình Đại hội thông qua chương trình làm việc của Đại hội như sau:

- Thông qua tờ trình đề nghị chuyển sàn giao dịch cổ phiếu của Công ty từ sàn giao dịch UpCom sang Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Thông qua tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Thông qua Tờ trình sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS;
- Thảo luận;
- Biểu quyết các nội dung cần thông qua tại đại hội;
- Thông qua Biên bản, Nghị quyết đại hội.

Đại hội thống nhất ý kiến với tỷ lệ 100%.

B. Các báo cáo và các nội dung trình cuộc họp ĐHĐCĐ:

1. Ông Hoàng Công Thành, Chủ tịch HĐQT Công ty thông qua Tờ trình đề nghị chuyển sàn giao dịch cổ phiếu của Công ty từ sàn giao dịch UpCom sang Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Ông Mạnh Xuân Hùng, Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty trình bày các Tờ trình: sửa đổi Điều lệ Công ty, sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS.

I. Các vấn đề khác

1. Lựa chọn đơn vị tư vấn

Giao cho HĐQT tìm kiếm và lựa chọn đơn vị tư vấn cho việc hoàn thiện hồ sơ chuyển sàn.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: Quyết định thời điểm thực hiện chuyển sàn niêm yết cổ phiếu khi Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh đáp ứng đủ điều kiện niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật.

- Quyết định và chỉ đạo các phòng ban liên quan thực hiện thủ tục cần thiết, hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu PTX tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thủ tục chuyển sàn giao dịch cổ phiếu PTX từ Upcom sang niêm yết tại HNX bao gồm và không giới hạn việc đăng ký niêm yết cổ phiếu tại HNX, hủy đăng ký giao dịch sàn Upcom, hồ sơ chuyển sàn gửi cho VSD, lựa chọn thời điểm và xác định giá cổ phiếu vào ngày giao dịch đầu tiên,...

- Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc chuyển sàn giao dịch cổ phiếu PTX từ Upcom sang HNX.

C. Thảo luận

Các ý kiến tham luận của cổ đông thống nhất cao với các nội dung do HĐQT đề nghị.

D. Biểu quyết các nội dung cần thông qua tại Đại hội

Ông Nguyễn Anh Nam, Trưởng ban kiểm phiếu đọc hướng dẫn biểu quyết.

Đại hội tiến hành biểu quyết trực tiếp với kết quả như sau:

Nội dung 01. Thông qua Tờ trình đề nghị chuyển sàn giao dịch cổ phiếu của Công ty từ sàn giao dịch UpCom sang Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tán thành: ... cổ phần, chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... cổ phần, chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... cổ phần, chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy nội dung 01 đã được thông qua với tỷ lệ ...%.

Nội dung 02. Thông qua các nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty, sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: ... cổ phần, chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: ... cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: ... cổ phần, chiếm ...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy nội dung 02 đã được thông qua với tỷ lệ ...%.

III: THÔNG QUA BIÊN BẢN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

Người trình bày: Ông Nguyễn Anh Tuấn, Trưởng ban Thư ký trình bày Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đại hội. Đại hội biểu quyết và nhất trí thông ...% số phiếu tán thành.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày.

Thư ký ghi biên bản

Chủ tọa

Nguyễn Anh Tuấn

Hoàng Công Thành

**TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

DỰ THẢO



**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Vinh, ngày tháng 01 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	9
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	24
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	33
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	33
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	34
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.	34
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	36
Điều 37. Kiểm soát viên.....	36
Điều 38. Ban kiểm soát.....	37
Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	39
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng.....	39
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	39
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	41
Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	41
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	42
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	42
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	42
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	42
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	43
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	43

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

Điều 47. Năm tài chính	43
Điều 48. Chế độ kế toán.....	43
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	43
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	43
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	44
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	44
Điều 51. Kiểm toán.....	44
CHƯƠNG XVII. CON DẤU.....	44
Điều 52. Con dấu.....	44
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	45
Điều 53. Chấm dứt hoạt động	45
Điều 54. Gia hạn hoạt động	45
Điều 55. Thanh lý	45
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	46
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	46
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	47
Điều 58. Ngày hiệu lực	47

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày ... tháng 01 năm 2023.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;
 - b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - g. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - i. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - k. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - l. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - m. "Công ty" là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh;
 - n. "Địa chỉ liên lạc" là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc.
 - o. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

p. “Tổ chức kiểm toán được chấp thuận” là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về kiểm toán độc lập.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế;

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh.
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Petrolimex Nghe Tinh Transportation and Service Joint Stock Company.
- Tên Công ty viết tắt: PTS Nghệ Tĩnh
- Logo của công ty:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Nghi Kim, Thành phố Vinh, Nghệ An
- Điện thoại: (0383) 851915
- Fax: (0383) 851886
- [E-mail]: ptsnghetinh@gmail.com
- Website: www.ptsnghetinh.petrokimex.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - b. Giám đốc Công ty.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này, Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
 - Kinh doanh vận tải xăng dầu;
 - Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên dùng vận tải và hàng hóa khác;
 - Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật, đại tu sửa chữa, cải tạo nâng cấp xe máy;
 - Kinh doanh đào tạo lái xe;
 - Kinh doanh sửa chữa, bảo hành, lắp đặt thiết bị chuyên dùng xăng dầu;
 - Kinh doanh đại lý môi giới bảo hiểm;
 - Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng kinh doanh;
 - Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành và ngoại thành;
 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: mua, bán sách, văn phòng phẩm;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
 - Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Cho thuê xe có động cơ: cho thuê xe ô tô tập lái;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải;
 - Kinh doanh nước giặt Jana;

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu:

Chi tiết:

- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;
 - Lấy mẫu, quan trắc và giám sát môi trường;
 - Dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm lý hóa, vi sinh;
 - Tư vấn lập: đề án khai thác nước ngầm, nước mặt và xả thải vào nguồn nước, các dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn;
 - Dịch vụ xử lý nước và môi trường, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ ngành nước và môi trường;
 - Khảo sát, điều tra xã hội học, lập kế hoạch đền bù tái định cư,
 - Điều hành tua du lịch;
 - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
 - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
 - Xuất nhập khẩu hàng hóa;
 - Trồng rừng và chăm sóc rừng;
 - Ngoài các nội dung, lĩnh vực kinh doanh trên đây, trong quá trình hoạt động, Công ty có thể mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh để đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng thời kỳ theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:
- Huy động vốn của toàn xã hội, bao gồm các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và nước ngoài để đầu tư đổi mới công nghệ tạo thêm việc làm, phát triển Công ty.
 - Tạo điều kiện để người lao động trong Công ty có cổ phần và những người đã góp vốn được làm chủ thực sự, thay đổi phương thức quản lý, tạo động lực thúc đẩy Công ty kinh doanh có hiệu quả tăng tài sản Nhà nước, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại Hội đồng cổ đông thông qua.

3. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 58.476.850.000 VNĐ (năm mươi tám tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.847.685 cổ phần với mệnh giá là 10,000 VNĐ/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cổ đông phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả chứng nhận cổ phiếu cũ cho Công ty để tiêu hủy;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc Công ty.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, hoặc theo hình thức khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp và khoản 2 Điều 13 Điều lệ công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp hoặc trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
9. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - e. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

- f. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - g. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.
 - h. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - i. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật;
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

đại diện, trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, cụ thể:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền cho chủ tọa hoặc ban kiểm tra tư cách đại biểu cuộc họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ (48h) trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

vào hòm thư. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn theo quy định tại khoản 4 điều này hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội,

thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được của Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong từng nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cân trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

12. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 11 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

13. Hàng năm, Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ các trường hợp sau:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, Mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu..

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
 - j. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ
 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi công bố biên bản.
 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi(30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có.);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành biểu quyết theo quy định pháp luật.

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu một(01) thành viên độc lập

Thành viên HĐQT độc lập không được tham gia HĐQT quá 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.;
- d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- h. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty ;
- i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- l. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- m. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- n. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- o. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- p. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- q. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

r. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

s. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

t. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;

u. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

v. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ quản lý và cán bộ công nhân viên của Công ty, các đơn vị của Công ty cung cấp các tài liệu, thông tin về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong Công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty trong thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 2% vốn sở hữu của Công ty hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

i. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức vụ Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba(03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Giám đốc Công ty hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

họp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 4 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Trường họp có yêu cầu của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

8. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên ít nhất ba(03)ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền. nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường họp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách họp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

11. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

12. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mãn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty:
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

- a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định các vấn đề mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- g. Vào ngày 25 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- i. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị nếu quyết định đó trái pháp luật hoặc trái với Điều lệ này và thông báo cho Ban kiểm soát biết;
- j. Quyết định các phương án đầu tư tài chính, mua sắm thiết bị, phương tiện, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có giá trị dưới 20% vốn sở hữu của Công ty trong kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, các trường hợp đặc biệt phát sinh ngoài kế hoạch báo cáo Hội đồng quản trị trước khi thực hiện.
- k. Quyết định mua sắm các trang thiết bị có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 2% vốn chủ sở hữu của Công ty ngoài kế hoạch phê duyệt hàng năm. Sau đó phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị biết trong cuộc họp gần nhất.
- l. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương hoặc uỷ quyền cho giám đốc chi nhánh thực hiện đối với tất cả các chức danh khác còn lại trong Công ty;
- m. Tuyển dụng, ký hợp đồng lao động theo định biên đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, cho thôi việc, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị, chủ tịch HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

- n. Đề xuất việc cử cán bộ đi công tác, đào tạo tại nước ngoài theo các quy định của pháp luật và theo phân cấp của Hội đồng quản trị;
- o. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị; Đề nghị Hội đồng quản trị giải quyết các vấn đề phát sinh vượt quá quyền hạn của mình;
- p. Thay mặt Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của Công ty và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của Nhà nước về quản lý tài chính và theo quy chế phân cấp của Hội đồng quản trị;
- q. Xây dựng quy chế về việc trích lập và sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn; Báo cáo Hội đồng quản trị việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm của Công ty;
- r. Đại diện cho Công ty đề khởi kiện, bảo vệ quyền lợi hoặc đề nghị khởi tố trong các vụ án liên quan đến quyền lợi tài sản của Công ty;
- s. Trong Trường hợp Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì vẫn được tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị nhưng không được bỏ phiếu.
- t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành biểu quyết.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
 - c. Trưởng Ban kiểm soát, kiểm soát viên phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

f. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

g. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

h. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và hàng quý trước khi đề trình Hội đồng quản trị;

i. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

j. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

k. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

l. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm

soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận..

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính bán niên được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo bán niên và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh

- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác. Điều lệ Công ty, các qui định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay người điều hành khác;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh nhất trí thông qua ngày ... tháng... năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố

c. Bốn (04) bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

5. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị Công ty./.

1. Ông Mạnh Xuân Hùng

2. Ông Võ Anh Tuấn

1. Ông Đào Ngọc Tiến

2. Ông Hoàng Văn Tuyên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: /PTX-NQ-ĐHĐCĐ

TP Vinh, ngày 16 tháng 01 năm 2023



NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2022 CTCP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh;
- Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 16/01/2023,

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) bất thường năm 2022 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh ngày 16 tháng 01 năm 2023 đã thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua chủ trương chuyển sàn giao dịch cổ phiếu của Công ty từ sàn giao dịch UpCom sang Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty, sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS.

Điều 3. Các vấn đề khác

3.1 Lựa chọn đơn vị tư vấn: Giao cho HĐQT tìm kiếm và lựa chọn đơn vị tư vấn cho việc hoàn thiện hồ sơ chuyển sàn.

3.2 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: Quyết định thời điểm thực hiện chuyển sàn niêm yết cổ phiếu khi Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh đáp ứng đủ điều kiện niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật.

- Quyết định và chỉ đạo các phòng ban liên quan thực hiện thủ tục cần thiết, hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu PTX tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thủ tục chuyển sàn giao dịch cổ phiếu PTX từ Upcom sang niêm yết tại HNX bao gồm và không giới hạn việc đăng ký niêm yết cổ phiếu tại HNX, hủy đăng ký giao dịch sàn

Upcom, hồ sơ chuyển sàn gửi cho VSD, lựa chọn thời điểm và xác định giá cổ phiếu vào ngày giao dịch đầu tiên,...

- Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc chuyển sàn giao dịch cổ phiếu PTX từ Upcom sang HNX.

Điều 4: Điều khoản thi hành

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và các phòng ban liên quan, có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BẤT THƯỜNG NĂM 2022
CHỦ TỌA

HOÀNG CÔNG THÀNH

Số: /2023/PTSNT-QĐ-BKS

Vinh, ngày ...tháng 01 năm 2023



QUYẾT ĐỊNH

*Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh*

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2021, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 có hiệu lực từ 01/03/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản pháp lý hướng dẫn thi hành;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày tháng 01 năm 2023;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/2023/ PTSNT-NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng 01 năm 2023;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Kiểm soát viên Ban kiểm soát ngày tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 01 năm 2023.

Điều 3: Kiểm soát viên Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh, các cá nhân và tổ chức có liên quan thuộc Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- HĐQT, Giám đốc Cty;
- Phòng nghiệp vụ.
- Kiểm soát viên BKS;
- Lưu VT, BKS.

T.M BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	3
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	3
Điều 3. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Kiểm soát viên.....	4
Điều 5. Quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	4
Điều 6. Quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát	5
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.	6
Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	7
CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 10. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Error! Bookmark not defined.
Điều 11. Quyền được cung cấp thông tin	10
Điều 12. Nội dung, trình tự tiến hành giám sát, kiểm tra.....	10
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14. Bảo mật thông tin.....	11
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 15. Cuộc họp Ban kiểm soát.....	11
Điều 16. Trình tự tiến hành họp Ban kiểm soát.....	12
Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát	13
Điều 18. Thông qua quyết định quan trọng của Ban kiểm soát.....	13
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	13
Điều 19. Trình báo cáo hàng năm.....	13
Điều 20. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát.....	14
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan	14
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	15
Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	15
Điều 23. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát	15
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	16
Điều 24. Điều khoản thi hành	16

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /PTSNT-QĐ-BKS ngày /01/2023
của Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (Ban kiểm soát) trong quá trình tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đối tượng áp dụng:

- Kiểm soát viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);
- Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác (quy định tại Khoản e, Điều 1 Điều lệ Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh);
- Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (Công ty) do Đại hội đồng cổ đông bầu, có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện nghĩa vụ giám sát việc quản trị, điều hành Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ được giao.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định có liên quan.

3. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo lĩnh vực công việc được phân công của từng Kiểm soát viên và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát. Kiểm soát viên được quyền bảo lưu ý kiến trong quá trình tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ.

4. Hoạt động giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát không làm cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không làm thiệt hại đến lợi ích của Công ty và cổ đông.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát có 03 (ba) Kiểm soát viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Ban kiểm soát phải có ít nhất 02 (hai) Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

6. Trường hợp Ban kiểm soát còn lại dưới 2/3 số Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 1 Điều này thì phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung đủ số Kiểm soát viên theo quy định.

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Kiểm soát viên.

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật doanh nghiệp 2020.

2. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.

3. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

4. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

8. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 5. Quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

Tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều 10 của Quy chế này và phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể sau:

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình theo phân công của Trưởng Ban kiểm soát, lập kế hoạch công tác hàng năm để thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

6. Định kỳ báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về tình hình và kết quả giám sát trong phạm vi công việc được phân công, báo cáo ngay về các hoạt động bất thường và chịu trách nhiệm về ý kiến nhận xét, đánh giá, kết luận của mình. Khi Kiểm soát viên nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát phải có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Trưởng Ban kiểm soát.

7. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.

8. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết của Ban Giám đốc, được phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

9. Tham gia ý kiến xây dựng báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, báo cáo thẩm định báo cáo tài chính hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.

10. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, trừ vấn đề có xung đột lợi ích với Kiểm soát viên đó.

11. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

12. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

13. Thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 6. Quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát

Tổ chức triển khai thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều 10 của Quy chế này, cụ thể:

1. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên. Quản lý, chỉ đạo các Kiểm soát viên thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

2. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

3. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết của Ban Giám đốc, được quyền phát biểu ý kiến, kiến nghị nhưng không được biểu quyết.

5. Là đầu mối tiếp nhận thông tin, đảm bảo các Kiểm soát viên nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát cần phải xem xét.

6. Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát gửi đến Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

7. Ủy quyền cho một Kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

8. Đảm bảo các điều kiện, phương tiện cần thiết cho công tác giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát.

9. Thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát, cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào Ban kiểm soát; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Ban kiểm soát; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.
- b. Có đơn xin từ chức và được chấp nhận.
- c. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
 - c. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - d. Trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Kiểm soát viên vẫn phải chịu trách nhiệm về kết quả giải quyết công việc của mình trong thời gian đương nhiệm.
6. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng quyền hạn, nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét, miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.
7. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách Kiểm soát viên, các Kiểm soát viên có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu Trưởng Ban kiểm soát (đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty).
8. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Kiểm soát viên mới để bổ sung, hoặc thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu của Ban kiểm soát.

Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 10. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Quyền hạn của Ban kiểm soát
 - a. Được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.
 - b. Được sử dụng con dấu Công ty để tổ chức thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát Công ty.

- c. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
 - d. Xem xét sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của công ty.
 - e. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
 - f. Đề nghị tổ chức phiên họp Hội đồng quản trị bất thường; Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập, hoặc trực tiếp triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - g. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 - h. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp,
 - i. Tham gia lựa chọn và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan.
 - j. Được yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các cán bộ quản lý khác của Công ty và Kiểm toán viên độc lập trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm và theo đề nghị của cổ đông.
 - k. Được sử dụng tư vấn độc lập và cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
 - l. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - m. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
 - n. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 - o. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát
- a. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, kế hoạch công tác giám sát hàng năm, kế hoạch chi phí hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát và các quy định khác của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị; Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp khi cần thiết.
 - b. Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Công ty theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

- c. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; Tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- e. Xem xét các đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có liên quan (nếu có).
- f. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- g. Xem xét thư quản lý của Kiểm toán viên độc lập và các ý kiến trình bày của người quản lý thuộc CTy.
- h. Thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- i. Thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có hành vi vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
- j. Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên báo cáo kết quả hoạt động giám sát của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- k. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- l. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- m. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
- n. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- o. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- p. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Quyền được cung cấp thông tin

1. Kiểm soát viên được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị cùng các tài liệu kèm theo.
- b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- c. Các thông tin, tài liệu, báo cáo về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc trình Hội đồng quản trị; Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; Các thông tin (báo cáo) tài chính và các thông tin, tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát (chi tiết tại Phụ lục kèm theo). Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có yêu cầu cung cấp thêm thông tin thì được thực hiện trong thời gian tối đa là 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Yêu cầu về cung cấp thông tin của các Kiểm soát viên phải được gửi bằng văn bản trực tiếp đến người có trách nhiệm cung cấp.

3. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; Có quyền đến các địa điểm nơi cán bộ quản lý, nhân viên Công ty làm việc để thu nhận thông tin trong giờ làm việc.

Điều 12. Nội dung, trình tự tiến hành giám sát, kiểm tra

1. Giám sát thường xuyên: Giám sát thông qua việc nghiên cứu các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty.

2. Giám sát, kiểm tra theo chuyên đề: Giám sát thông qua việc thực hiện kiểm tra theo chuyên đề của Công ty.

3. Giám sát, kiểm tra định kỳ: Giám sát việc tuân thủ các nguyên tắc, chính sách, chế độ, thể lệ, quy định...; Thẩm định nội bộ báo cáo tài chính và các báo cáo định kỳ khác của Công ty.

4. Giám sát, kiểm tra đột xuất: Giám sát, kiểm tra đối với các trường hợp sau:

- a. Theo đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;
- b. Khi Ban kiểm soát phát hiện có dấu hiệu bất thường;
- c. Theo các nội dung khác (ngoài các nội dung nêu trên).

5. Trình tự tiến hành giám sát, kiểm tra:

- a. Chuẩn bị giám sát, kiểm tra:

Căn cứ kế hoạch, chương trình công tác của Ban kiểm soát; tình hình thực tế và điều kiện cụ thể để xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng đợt, từng cuộc giám sát, kiểm tra. Theo đó, Ban kiểm soát cần nghiên cứu, tìm hiểu, xem xét các vấn đề liên quan; chuẩn bị các điều kiện, giải quyết các thủ tục cần thiết (có quyết định hoặc thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị Công ty, đối tượng giám sát, kiểm tra...) để triển khai thực hiện.

- b. Thực hiện giám sát, kiểm tra:

Bằng các phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp, tổ chức thực hiện việc thu thập đầy đủ các bằng chứng cần thiết và có thể; xem xét, phân tích, đánh giá để có kết luận đúng, phù hợp; tìm nguyên nhân, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan...

c. Kết thúc giám sát, kiểm tra:

Tổng hợp, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát, kiểm tra để báo cáo Đại hội đồng cổ đông và thông báo với Hội đồng quản trị Công ty theo đúng quy định.

Theo dõi, giám sát và đánh giá quá trình khắc phục.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 14. Bảo mật thông tin

1. Các Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ nghiêm chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Các Kiểm soát viên xử lý mọi thông tin, tài liệu có được trong phạm vi theo thẩm quyền được phân công với sự cẩn trọng cần thiết.

3. Các Kiểm soát viên không được tiết lộ thông tin, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các thông tin, tài liệu khác liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.

4. Các Kiểm soát viên nếu vi phạm nguyên tắc hoạt động, chế độ bảo mật thông tin gây thiệt hại cho doanh nghiệp hoặc người khác thì phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại (tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, qui mô thiệt hại), hoặc có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp Ban kiểm soát

1. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 2 của Quy chế này.

2. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất 6 tháng 1 lần và họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất, cấp bách của Công ty do Trưởng Ban kiểm soát chủ trì. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Giám đốc.
- c. Ít nhất 03 (ba) thành viên Hội đồng quản trị.
- d. Trưởng Ban kiểm soát.
- e. Ít nhất 02 (hai) Kiểm soát viên.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường tại khoản 2 nêu trên, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau 2 lần đề nghị mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập được cuộc họp Ban kiểm soát bất thường thì Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên phải có ngay văn bản báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để giải quyết những tồn tại, vướng mắc.

4. Các cuộc họp của Ban kiểm soát được tiến hành tại Văn phòng Công ty hoặc tại một địa điểm khác theo sự thống nhất chung của các Kiểm soát viên .

5. Cuộc họp của Ban kiểm soát có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các Kiểm soát viên khi tất cả hoặc một số kiểm soát viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi kiểm soát viên tham gia họp đều có thể:

- a. Theo dõi và giao tiếp được với các Kiểm soát viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Kiểm soát viên tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm có mặt Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 16. Trình tự tiến hành họp Ban kiểm soát

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban kiểm soát đều phải được chuẩn bị trước; Trưởng Ban kiểm soát căn cứ mục đích, yêu cầu, nội dung... cuộc họp để phân công cho các Kiểm soát viên chuẩn bị nội dung, tài liệu cho cuộc họp.

2. Thông báo mời họp Ban kiểm soát (trừ họp bất thường) phải được gửi đến từng Kiểm soát viên theo phương thức phù hợp trước khi họp. Thông báo mời họp cần nêu rõ về: thời gian, địa điểm, nội dung, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp. Trường hợp Kiểm soát viên không thể dự họp, có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp.

3. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 02 (hai) Kiểm soát viên trở lên tham dự. Trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát có thể yêu cầu thêm thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Trường hợp cuộc họp của Ban kiểm soát được triệu tập nhưng không đủ số Kiểm soát viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp tiếp lần thứ hai trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Sau hai lần triệu tập họp vẫn không đủ số Kiểm soát viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để Đại hội đồng cổ đông xem xét về tư cách của các Kiểm soát viên.

5. Nội dung cuộc họp của Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào biên bản, có chữ ký của chủ tọa và thư ký. Riêng các nội dung quan trọng phải được các Kiểm soát viên thông qua theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Các cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.

2. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 18. Thông qua quyết định quan trọng của Ban kiểm soát

1. Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác trong Ban kiểm soát thực hiện biểu quyết.

2. Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định thì không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của Kiểm soát viên khác trong Ban kiểm soát để biểu quyết vấn đề đó.

3. Nếu có nghi ngờ nào phát sinh tại cuộc họp Ban kiểm soát liên quan đến quyền lợi của Kiểm soát viên hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của Kiểm soát viên và nghi ngờ đó không được Kiểm soát viên đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì sẽ được chuyển đến chủ tọa cuộc họp xem xét. Phán quyết của chủ tọa có giá trị quyết định.

4. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định thì quyết định này được coi là có giá trị tương đương với quyết định được thông qua tại một cuộc họp Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 20. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát.

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

4. Tiền thưởng và các lợi ích khác (nếu có) của Kiểm soát viên được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin 24 giờ về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 23. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát

1. Quan hệ với cổ đông
 - a. Ban kiểm soát đại diện cổ đông thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác của Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - b. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo trước cổ đông, Đại hội đồng cổ đông Công ty trong việc thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được giao.
2. Quan hệ với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.
 - a. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.
 - b. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - c. Ban kiểm soát thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 10 quy chế này một cách độc lập với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.
 - d. Ban kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị Công ty, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Petrolimex và của cổ đông.
 - e. Các cuộc kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản và gửi Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý có liên quan khác của Công ty.
 - f. Khi nhận được kết quả giám sát, kiểm tra cùng những đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty sẽ xem xét, có ý kiến chỉ đạo các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện. Ban kiểm soát giám sát việc tổ chức thực hiện các ý kiến chỉ đạo này.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm có 7 chương, 24 điều và có hiệu lực theo quyết định ban hành ngàytháng 01 năm 2023.
2. Những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty mà chưa được nêu trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi thấy cần thiết, Ban kiểm soát sẽ xem xét để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khi các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty thay đổi, các quy định tại quy chế này chưa kịp thay đổi thì thực hiện theo các quy định mới của pháp luật và Điều lệ Công ty./.

T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Phụ lục
DANH MỤC TÀI LIỆU CUNG CẤP CHO BAN KIỂM SOÁT

TT	Diễn giải
1	Các Quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật
2	Tài liệu liên quan đến Đại hội đồng cổ đông Công ty
3	Quyết định và tài liệu giao kế hoạch hàng năm
4	Quyết định về đầu tư, thành lập đơn vị trực thuộc; quản lý, sử dụng vốn
5	Quyết định bổ nhiệm, điều động, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trí của cán bộ thuộc HĐQT quản lý.
6	Quyết định phân phối tiền lương, tiền thưởng... của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc.
7	Báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm của Công ty
8	Báo cáo soát xét, kiểm toán và thư quản lý của cơ quan kiểm toán độc lập
9	Báo cáo quyết toán quản trị, báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính (quý, năm) của Công ty
10	Biên bản thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các tài liệu liên quan của các cơ quan quản lý nhà nước
11	Văn bản giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo...; chỉ đạo sau giám sát, kiểm tra, kiểm toán
12	Các tài liệu cụ thể khác theo yêu cầu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2023

Số: /2023/PTSNT-QĐ-HĐQT

Vinh, ngày tháng 01 năm 2023



QUYẾT ĐỊNH

về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2021, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 có hiệu lực từ 01/03/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản pháp lý hướng dẫn thi hành;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày... tháng ... năm 2023;
- Quy chế quản trị nội bộ do HĐQT Công ty ban hành;
- Biên bản họp HĐQT Công ty ngày .../.../2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các quy chế/quy định trước đây không còn hiệu lực thực hiện.

Điều 3. Các Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- TCTy PTC (để b/c);
- Như điều 3;
- Website Công ty;
- Lưu HĐQT, VT.

Hoàng Công Thành

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	5
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	8
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	11
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	11
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	13
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	14
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	15
Điều 15. Đảm bảo vật chất	15
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	15
Điều 17. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.....	17
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	18
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm	18
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.....	19
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ VỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành	20
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	20
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	20
Điều 24. Hiệu lực thi hành.....	20

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

*(ban hành kèm theo Quyết định số /2023/PTSNT-QĐ-HĐQT ngày /01/2023
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh)*

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các cụm từ viết tắt trong Quy chế này:

- HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty
- BKS: Ban Kiểm soát Công ty
- Công ty TNHH: Công ty trách nhiệm hữu hạn
- Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh
- Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của công ty. HĐQT giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ Quản trị công ty và các nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- Ủy viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT phân công phụ trách một số lĩnh vực cụ thể, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Chủ tịch HĐQT về công việc thuộc lĩnh vực được phân công. Không ủy quyền cho người khác.

- c) Ủy viên HĐQT có trách nhiệm xem xét, trình HĐQT giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Ủy viên HĐQT phải dành thời gian thỏa đáng để nghiên cứu các nội dung chuẩn bị biểu quyết của HĐQT, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT ủy quyền và báo cáo kết quả công việc với HĐQT trong phiên họp gần nhất.
- d) Ủy viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của HĐQT, thảo luận và biểu quyết những vấn đề được đưa ra phiên họp hoặc phiếu xin ý kiến.
- e) Ủy viên HĐQT có quyền đề nghị HĐQT xem xét một số vấn đề của công ty.
- f) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- g) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- h) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị. Các thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở công ty hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc và người quản lý khác trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định theo Điều lệ công ty.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên: 01 Chủ tịch HĐQT; 04 uỷ viên. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp và quy định tại khoản 4 Điều 25 tại Điều lệ Công ty.
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- e) Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên HĐQT không còn tư cách nếu không đáp ứng được các quy định về tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này và vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ công ty trong các trường hợp sau:

- a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Có đơn từ chức;
- c) Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện;
- d) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- e) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- f) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

g) Cung cấp thông tin cá nhân sau khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1,2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết HĐQT, ký kết các hợp đồng thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc phân cấp; phê duyệt các hợp đồng để ủy quyền cho Giám đốc ký kết.
- g) Theo dõi, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT.
- h) Phân công thành viên HĐQT thẩm định và phê duyệt các loại hợp đồng quy định tại Điều 12 Quy chế này.
- i) Quyết định cử thành viên HĐQT, cán bộ thuộc quyền quản lý của HĐQT công tác, học tập, tham quan khảo sát ở nước ngoài.
- j) Ủy quyền bằng văn bản cho 01 thành viên HĐQT khác chỉ đạo công việc của HĐQT khi Chủ tịch đi vắng.
- k) Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- l) Tổ chức thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:
 - Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến.

- Tổ chức, gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền được họp ĐHĐCĐ.
- Thông báo biên bản kết quả kiểm phiếu, và các quyết định được thông qua đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các

ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, công ty thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm.
3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

- b) HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- c) HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính.
- d) Nhiệm vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và ĐHĐCĐ quy định theo khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 27 Điều lệ công ty.
- e) Quyết định chiến lược phát triển công ty, kế hoạch xây dựng phát triển SXKD
 - Quyết định nghiên cứu các công nghệ mới.
 - Quyết định phát triển thị trường.
- f) Kiện toàn tổ chức công ty
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- g) Các vấn đề tài chính và ngân sách

Hội đồng quản trị có các quyền hạn đối với các vấn đề về tài chính và ngân sách được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ công ty và các quyền hạn sau:

- Phê duyệt cơ chế tài chính công ty theo quy định pháp luật và tình hình sản xuất hàng năm.
- Quyết định mức trích quỹ đầu tư phát triển hàng năm.
- Quyết định mức trích quỹ dự phòng tài chính.
- Quyết định mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.
- Quyết định mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty.
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

h) Tổ chức ĐHĐCĐ

- Duyệt chương trình nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ.
- Triệu tập họp ĐHĐCĐ.
- Thực hiện thủ tục hỏi ý kiến bằng văn bản để ĐHĐCĐ ra quyết định.
- Báo cáo trước ĐHĐCĐ về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.

i) Các nhiệm vụ khác

- Thực hiện giải quyết khiếu nại trong nội bộ công ty.
- Tiến hành hoà giải các tranh chấp giữa công ty với bạn hàng.
- Trực tiếp hoặc uỷ quyền giải quyết các vụ kiện mà một bên là công ty.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

a) HĐQT phê duyệt hoặc trực tiếp ký các loại hợp đồng:

- Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của công ty.
- Hợp đồng vay vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.
- Hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh.
- Hợp đồng liên quan tới bất động sản: mua, bán nhà đất, góp vốn bằng quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, thuê nhà, đất, cho thuê nhà, đất, các hợp đồng xây dựng cơ bản.
- Hợp đồng thuê công ty kiểm toán, công ty dịch vụ pháp lý, và các dịch vụ khác.
- Chấp thuận bằng văn bản các hợp đồng kinh tế, dân sự của công ty ký với: thành viên HĐQT, Giám đốc, thành viên ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và các hợp đồng của công ty ký với những người có liên quan của họ theo quy định tại khoản 1 điều 167 Luật Doanh nghiệp.
- Giám sát việc ký kết hợp đồng để tránh hợp đồng bị vô hiệu gây thiệt hại cho công ty.
- Phê duyệt các phương án tổ chức thực hiện các hợp đồng SXKD do Giám đốc trình.
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

b) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan

- Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

c) Người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

2. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 15. Đảm bảo vật chất

1. HĐQT sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của công ty để thực hiện chức năng quản lý công ty.
2. Văn phòng công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của HĐQT, những văn bản của cơ quan cấp trên thuộc trách nhiệm xử lý của HĐQT tới Chủ tịch HĐQT để phê duyệt và chỉ đạo giải quyết.
3. Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với các thành viên trong ban Giám đốc, các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc công ty để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường:

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận thuộc thẩm quyền của HĐQT và có các tài liệu cần thiết tới các thành viên HĐQT:

- a) Ban kiểm soát;
- b) Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Thời gian triệu tập họp HĐQT:

a) *Cuộc họp thường kỳ*: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm giao Người phụ trách quản trị Công ty lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp và thông báo cho các thành viên HĐQT chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo có thể bằng văn bản, Fax, thư điện tử, điện thoại.

b) *Cuộc họp HĐQT bất thường*: Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 4 Điều này.

5. Người triệu tập họp HĐQT:

Người triệu tập họp HĐQT là Chủ tịch HĐQT; trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì người được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền bằng văn bản triệu tập họp HĐQT.

6. Địa điểm họp HĐQT:

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa điểm đã đăng ký của công ty hoặc ở địa điểm khác tại Việt Nam do người triệu tập họp quyết định. HĐQT có thể tổ chức họp theo hình thức trực tuyến giữa các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện các phương tiện nghe nhìn có thể đảm bảo để mỗi thành viên HĐQT tham gia có thể nghe từng thành viên cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp. Các thành viên HĐQT tham gia họp trực tuyến có quyền thảo luận, biểu quyết như các thành viên khác; Biên bản cuộc họp sau đó phải được thành viên tham gia họp trực tuyến ký/xác nhận bằng văn bản hoặc thư điện tử và được coi là hợp lệ. Các thành viên tham gia họp loại này được coi là có mặt nếu khẳng định được chữ ký của mình, kể cả chữ ký điện tử.

7. Thông báo mời họp HĐQT phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có ít nhất 3/4 số thành viên HĐQT hoặc người được thành viên HĐQT uỷ quyền tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Chủ tọa cuộc họp HĐQT là Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt và không uỷ quyền thì các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp bầu 1 người làm chủ tọa cuộc họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Uỷ quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình

thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Biểu quyết tại cuộc họp HĐQT:

- a) HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
 - b) Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 - c) Chỉ có thành viên HĐQT hoặc người được thành viên HĐQT uỷ quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thỉnh, khách mời không được biểu quyết.
 - d) Khi biểu quyết những vấn đề có liên quan đến những hợp đồng kinh tế, dân sự mà thành viên HĐQT dự họp là bên ký kết hợp đồng hoặc có người có liên quan là một bên ký kết thì họ không được biểu quyết và không tính vào số đại biểu có mặt khi biểu quyết để tính tỷ lệ.
11. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản, Fax, thư điện tử tới cuộc họp HĐQT ít nhất 1 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
12. Thông qua nghị quyết HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể tiến hành cuộc họp HĐQT bằng việc thông báo nội dung và phiếu biểu quyết bằng văn bản. Sau khi nhận được các phiếu lấy ý kiến, thư ký lập biên bản việc kiểm phiếu trình Chủ tịch HĐQT để thông qua nghị quyết.

Điều 17. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Người phụ trách quản trị Công ty làm thư ký ghi chép đầy đủ nội dung cuộc họp HĐQT vào sổ biên bản.
2. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
3. Biên bản cuộc họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có chữ ký của chủ tọa, và thư ký.

Biên bản phải có các nội dung:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp;
- c) Họ tên thành viên tham dự và thành viên được uỷ quyền và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- d) Mục đích, Chương trình và nội dung cuộc họp;
- e) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- g) Tóm tắt phát biểu ý kiến tại cuộc họp, diễn biến cuộc họp, các ý kiến tranh luận;

h) Các vấn đề đã được HĐQT thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

4. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

5. Biên bản phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

6. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ VỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 01 năm 2023.

Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện quy chế. Ban kiểm soát kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong công ty.

Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung được phản ánh bằng văn bản gửi Người phụ trách quản trị công ty để trình HĐQT xem xét quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Công Thành

**TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**



**QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Thành phố Vinh, tháng 01 năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
Điều 2. Giải thích từ ngữ	5
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp	10
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội	11
Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 12. Thủ tục tiến hành họp và cách thức biểu quyết, bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu	12
Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Các thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 17. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 18. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 19. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử	13
Điều 20. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản	18
Điều 21. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	18
Điều 22. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	19

Điều 23. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	20
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	21
Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	23
Điều 26. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 28. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 32. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 33. Cuộc họp Hội đồng quản trị	27
Điều 34. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	27
Điều 35. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.....	30
Điều 36. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty ..	30
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT.....	31
Điều 37. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	31
Điều 38. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên	32
Điều 39. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu kiểm soát viên	33
Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên.....	33
Điều 41. Đề cử, ứng cử kiểm soát viên.....	34
Điều 42. Cách thức bầu kiểm soát viên.....	34
Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung kiểm soát viên	34
Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	35
Điều 45. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Kiểm soát viên	35
Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát	35
CHƯƠNG V. GIÁM ĐỐC	35
Điều 47. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc.....	35

Điều 48. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc	36
Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc	36
Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc.....	36
Điều 51. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Giám đốc.....	37
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	37
Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc.....	37
Điều 53. Thông báo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát	37
Điều 54. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc	38
Điều 55. Các trường hợp Ban kiểm soát và Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.....	38
Điều 56. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....	39
Điều 57. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc	39
Điều 58. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	39
Điều 59. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc.....	40
Điều 60. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác.....	42
Điều 61. Khen thưởng	42
Điều 62. Kỷ luật	43
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	43
Điều 63. Bổ sung và sửa đổi quy định về quản trị công ty.....	43
Điều 64. Hiệu lực thi hành.....	44

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ

PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...-2023/PTX-NQ-DHĐCĐ ngày ... tháng 01 năm 2023,

Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;

- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
 - Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
 - Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
2. *Luật doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 3. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 4. *Công ty* là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh;
 5. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một phần của công ty cổ phần;
 6. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 7. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;
 8. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 9. *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành theo quy định của Điều lệ công ty;
 10. *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* (sau đây gọi là “thành viên không điều hành”) là thành viên Hội đồng quản trị không phải Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 11. *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị* (sau đây gọi là “thành viên độc lập”) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp;
 12. *Người có quan hệ gia đình* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;
 13. *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 14. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Quy chế này và khoản 1 điều 15 Điều lệ công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.

4. Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

5. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

6. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

8. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như quy định tại khoản 7 điều này được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều lệ Công ty.

9. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề

liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Mục 2. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được thành lập nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường;

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 5 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 5 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 5 Điều này có quyền thay thế Hội

đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc như theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 18 Điều lệ công ty. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền cụ thể tại khoản 7 và khoản 8 điều 20 Điều lệ Công ty.

5. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

6. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều 20 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ

đồng phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình họp, nội dung cuộc họp.

2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

2. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết trực tiếp được quy định tại Khoản 1, 2 và 3, Điều 20 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 12. Thẻ thức tiến hành họp và cách thức biểu quyết, bỏ phiếu, khiếu phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 20 Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
2. Định hướng phát triển công ty;
3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 25% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
6. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hằng năm;
7. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty

Điều 15. Các thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công

ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo các phụ lục đính kèm khác (nếu có) đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty, Cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành và biểu quyết của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung nghị quyết, biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định tại Điều 15 Quy chế này.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.

Điều 18. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

Điều 19. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 4 Quy chế này

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a) Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 5 và Điều 6 Quy chế này.

b) Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- a) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) tham dự họp thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
- b) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp (trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến) theo quy định tại Điều 12 Quy chế này và theo hướng dẫn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
- c) Cổ đông phải chuẩn bị các điều kiện về thiết bị, kết nối để có thể truy cập và tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo chương trình, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đã được Công ty thông báo.

4. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

- a) Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông/đại diện cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/đại diện cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
- b) Khi Cổ đông/đại diện cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Công ty có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- c) Cổ đông/ đại diện cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực

hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

- a) Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.
- b) Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi giấy ủy quyền được lập đúng theo quy định của pháp luật dân sự và được lập thành bản cứng, có đầy đủ các nội dung như quy định tại khoản 2 điều 16 Điều lệ Công ty.
- c) Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
- d) Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- e) Cổ đông/đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau giờ khai mạc có quyền đăng ký tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông/đại diện được ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng

6. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.
- b) Cách thức ghi nhận cổ đông/đại diện cổ đông dự họp theo hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức họp của mỗi cuộc họp.

7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

- a) Cách thức bỏ phiếu, thực hiện biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực

tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức họp và Quy chế bầu cử của mỗi cuộc họp.

- b) Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trực tuyến: Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại điểm a khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử.
- Khi bỏ phiếu biểu quyết trực tuyến: Cổ đông/đại diện cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, cổ đông/đại diện cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
 - Khi bỏ phiếu bầu cử trực tuyến: Việc giới thiệu ứng viên, bỏ phiếu bầu cử thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và trực tuyến, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- c) Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, những cổ đông dự họp trực tiếp thực hiện biểu quyết/bầu cử theo cách thức trực tiếp hoặc trực tuyến được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức họp và Quy chế bầu cử của mỗi cuộc họp.

8. Cách thức kiểm phiếu

- a) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và tổng hợp kết quả biểu quyết, bầu cử của tất cả các cổ đông dự họp.
- b) Số phiếu bầu của mỗi ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống theo: số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến. Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì các phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được coi là không tham gia biểu quyết và không được tính vào tổng số cổ phần khi kiểm phiếu.
- c) Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh, hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận và sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng trước thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.
- d) Đối với những trường hợp cần thiết và nếu cổ đông yêu cầu, đại hội sẽ chỉ định một (01) hoặc một số cổ đông không có lợi ích liên quan đến nội dung biểu quyết, bầu cử thực hiện giám sát việc kiểm phiếu.

9. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu/bầu cử sẽ được chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

10. Thảo luận tại hội nghị trực tuyến

- a) Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
 - Chỉ có Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền mới Được tham gia thảo luận;
 - Cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
 - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Cổ đông/đại diện cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.
 - Hình thức thảo luận cụ thể sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức họp của mỗi cuộc họp.
- b) Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến có thể phát biểu, góp ý với Đại hội thông qua hệ thống hình ảnh, âm thanh được kết nối với Ban tổ chức Đại hội hoặc thông qua màn hình hội thoại trực tuyến, gửi thư điện tử tới Ban thư ký Đại hội.
- c) Giải đáp ý kiến của các Cổ đông/đại diện cổ đông: Trên cơ sở nội dung thảo luận của Cổ đông/đại diện cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Cổ đông/đại diện cổ đông. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp đến cổ đông bằng hình thức phù hợp.
- d) Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- e) Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 13 Quy chế này.
- f) Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

11. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 22 Quy chế này.

12. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 17 Quy chế này.

13. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp như quy định tại Điều 18 Quy chế này.

14. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

Mục 4. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 20. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 13 Quy chế này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

Điều 21. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

2. Chuẩn bị tài liệu, gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

- a) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện tương tự quy định gửi thông báo mời họp tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.
- b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.

3. Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện tương tự quy định gửi thông báo mời họp tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

4. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về cho cổ đông

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đầy đủ nội dung theo khoản 4 Điều 22 Điều lệ Công ty đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

5. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Công bố biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Lưu trữ tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty

Mục 5. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 22. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
4. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.
5. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và những người điều hành khác.
6. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 23. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.
4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
- b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- c) Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
- d) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- e) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- f) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của công ty;
- g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty;
- h) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán giữa công ty với những đối tượng được quy định tại điểm r khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty
- i) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
- j) Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp và trường hợp

ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điểm r khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty

- k) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 22 Quy chế này;
- l) Báo cáo về tình hình quản trị Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
- c) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- d) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- e) Báo cáo Hội đồng quản trị giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc cổ đông lớn;
- f) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật;
- g) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị;
- h) Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- i) Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo

hiêm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền

Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt;
- b) Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền;
- c) Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền;
- d) Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo tuân thủ các quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể như sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại không quá năm (05) công ty khác.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Điều 28. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty và khoản 2, 3 Điều 25 Điều lệ Công ty

2. Cách thức giới thiệu thêm ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 1 Điều này. Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Quy chế này và được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật

3. Hồ sơ cần thiết cho việc đề cử, ứng cử thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 29. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 27 Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều 26 Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
- c) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định;
- d) Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

5. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 31. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này được tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Quy chế này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty và khoản 2 Điều 25 Quy chế này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc,

cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

Điều 33. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường

2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, trong các trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
- a) Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị quy định tại điểm a khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm a Khoản này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại Điểm a Khoản này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 34. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị

Việc thông báo họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Điều lệ Công ty.

2. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Thành viên Ban kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Điều kiện tổ chức họp, hình thức dự họp Hội đồng quản trị

Điều kiện tổ chức họp và hình thức dự họp Hội đồng quản trị tuân thủ quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều 30 Điều lệ Công ty

4. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

5. Cách thức biểu quyết

- a) Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ quy định tại khoản 11 và khoản 12 Điều 30 Điều lệ Công ty.
- b) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

- a) Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- b) Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
- c) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
- d) Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết,

quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

7. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

- a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại điểm ekhoản 7 Điều này.
- a) Chủ tọa và người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- b) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- c) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;
- d) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

8. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông báo và công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 35. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

Điều 36. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị

2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Quyền và nghĩa vụ Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 4 Điều 32 Điều lệ Công ty.

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong những trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Không hoàn thành các công việc được giao;
- Các trường hợp khác mà Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty cho phép.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của Pháp luật hiện hành về lao động.

6. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty, và các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra

đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty;

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;

13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên;

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Và các trách nhiệm sau:

- a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông;
- b) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm

soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Trường hợp vi phạm quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

3. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty

Điều 39. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu kiểm soát viên

1. Số lượng kiểm soát viên

Số lượng kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người.

2. Nhiệm kỳ

Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- f) Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 41. Đề cử, ứng cử kiểm soát viên

1. Việc đề cử, ứng cử kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại điều 36 Điều lệ Công ty

2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 1 Điều này. Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 40 Quy chế này và được đa số kiểm soát viên biểu quyết thông qua. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

3. Hồ sơ cần thiết cho việc đề cử, ứng cử thực hiện tương tự theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 42. Cách thức bầu kiểm soát viên

1. Cách thức biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 56 Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.

Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 45. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Kiểm soát viên

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Ban kiểm soát quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG V. GIÁM ĐỐC

Điều 47. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty và các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

- b) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại điểm r khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty;
- c) Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điểm r khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.
- d) Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này, gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 48. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế
2. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;
 - c) Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

1. Ứng cử, đề cử Giám đốc

Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

4. Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động với Giám đốc theo quy định pháp luật.

Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp,

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 51. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Giám đốc

1. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiền lương của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 52. Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 53. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 34 Quy chế này.

Điều 54. Thông báo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 55. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 56. Các trường hợp Ban kiểm soát và Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

a) Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 8 Điều 170 Luật Doanh nghiệp nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b) Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty không được thực thi;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề Giám đốc cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

- a) Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- b) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- c) Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
- d) Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực,

- thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- e) Xin ý kiến HĐQT đối với Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề HĐQT thông qua;
 - f) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - g) Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
 - h) Các nội dung khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 57. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;

4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;

6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Điều 58. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 56 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Giám đốc.

Điều 59. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị

- a) Các nội dung dung theo khoản 2 Điều 53 của Quy chế này;
- b) Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

- c) Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

2. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát

- a) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- b) Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
- c) Cách thức thông báo cho Ban kiểm soát thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 60. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc

1. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- a) Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
- c) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống

nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- d) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e) Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- f) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- g) Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc

- a) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
- b) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- c) Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- d) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;
- e) Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty của BKS

phải được gửi đến Giám đốc trước ít nhất bảy bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

3. Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT: Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

- a) Khi có kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
- b) Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
- c) Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- d) Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- e) Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 74 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi của HĐQT.

Điều 61. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác theo quy định của pháp luật.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 62. Khen thưởng

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 60 của Quy chế này.

2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Giám đốc phải lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 63. Kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi quy định về quản trị công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 65. Hiệu lực thi hành

1. Bản Quy chế này gồm 07 chương, 65 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh nhất trí thông qua ngày ... tháng 01 năm 2023 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Công Thành

**PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI
QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY**

(Đính kèm Tờ trình số/TT-ĐHĐCD (V/v Sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh), ngày tháng 01 năm 2023)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Điều lệ sửa đổi” là phần **màu đỏ, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Quy định tại quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH</p> <p>(Ban hành kèm theo Quyết định số /PTSNT-QĐ-BKS ngày 20/04/2021 của Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh)</p>	<p>QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH</p> <p>(Ban hành kèm theo Quyết định số /PTSNT-QĐ-BKS ngày .../01/2023 của Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh)</p>	<p>Cập nhật ngày thông qua sửa đổi quy chế mới.</p>
<p>CHƯƠNG I</p> <p>QUY ĐỊNH CHUNG</p>	<p>CHƯƠNG I</p> <p>QUY ĐỊNH CHUNG</p>	
<p>Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát</p>	
<p>3. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo lĩnh vực công việc được phân công của từng Kiểm soát viên. Kiểm soát viên được quyền bảo lưu ý kiến trong quá trình tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ.</p>	<p>3. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo lĩnh vực công việc được phân công của từng Kiểm soát viên và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát. Kiểm soát viên được quyền bảo lưu ý kiến trong quá trình tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ.</p>	<p>Bổ sung nội dung cho phù hợp với quy định tại điều 2 Quy chế mẫu, phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>CHƯƠNG II</p> <p><u>QUY ĐỊNH CỤ THỂ</u></p>	<p>CHƯƠNG II</p> <p>THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>Thay đổi tên chương cho phù hợp với cấu trúc tại quy chế mẫu, phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p><u>Mục 1. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ đi, thay đổi cấu trúc theo quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 3. <u>Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát</u></p>	<p>Điều 3. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 4 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 điều 4 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>3. Ban kiểm soát phải có ít nhất 02 (hai) Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 3 điều 4 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><u>2. Các Kiểm soát viên bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có ít nhất 02 (hai) Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam.</u> Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh của doanh nghiệp, <u>trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn</u></p>	<p>4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ sung và sửa đổi theo khoản 3 điều 4 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

<p>3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p>	<p>5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>4. Trường hợp Ban kiểm soát còn lại dưới 2/3 số Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 1 Điều này thì phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung đủ số Kiểm soát viên theo quy định.</p>	<p>6. Trường hợp Ban kiểm soát còn lại dưới 2/3 số Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 1 Điều này thì phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung đủ số Kiểm soát viên theo quy định.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Kiểm soát viên.</p>	<p>Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Kiểm soát viên.</p>	
	<p>5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo điểm đ khoản 1 điều 5 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	<p>Bổ sung theo điểm e khoản 1 điều 5 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>5.Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.</p>	<p>7.Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
	<p>8. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 88</p>

	ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.	Luật doanh nghiệp.
Điều 7. Quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên	Điều 5. Quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên	Chuyển từ Điều 7 quy chế cũ, thay đổi thứ tự điều cho phù hợp với bộ cục quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC.
Tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều 5 của Quy chế này và phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể sau:	Tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều 10 của Quy chế này và phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể sau:	Cập nhật lại dẫn chiếu
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.	5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.	Bổ sung làm rõ nội dung.
11. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.	11. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.	Bổ sung theo khoản 5 điều 3 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC.

	12. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.	Bổ sung theo khoản 6 điều 3 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC.
12. Thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.	13. Thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.	Cập nhật STT
	Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	Bổ sung theo điều 7 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC.
	1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát, cụ thể: Cổ động hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào Ban kiểm soát; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Ban kiểm soát; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào Ban kiểm soát kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:	Bổ sung theo khoản 1 điều 7 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC, kết hợp bổ sung các nội dung quy định tại Điều lệ công ty.
	a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc	Bổ sung theo điểm a khoản 1 điều 7 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư

	Đại hội đồng cổ đông;	116/2020/TT-BTC
	b. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	Bổ sung theo điểm b khoản 1 điều 7 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
	2. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	Bổ sung theo khoản 2 điều 7 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.	
	1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo khoản 1 điều 8 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
	2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ	Bổ sung theo khoản 2 điều 8 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC

	<p>cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>	
<p><u>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</u></p>	<p>3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:</p>	<p>Sửa lại để làm rõ Đại hội đồng cổ đông có quyền miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p>
<p><u>b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</u></p>		<p>Sửa đổi cho phù hợp với khoản 1 điều 9 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><u>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</u></p>	<p>4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa lại để làm rõ Đại hội đồng cổ đông có quyền bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p>
<p>Không có</p>	<p>c. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p>	<p>Bổ sung theo điểm b khoản 2 điều 9 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>d. Trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Cập nhật STT, Bổ sung nội dung cho phù hợp với điểm d khoản 2 điều 9 quy chế mẫu mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>3. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Kiểm soát viên vẫn phải chịu trách nhiệm về kết quả giải quyết công việc của mình trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>5. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Kiểm soát viên vẫn phải chịu trách nhiệm về kết quả giải quyết công việc của mình trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>4. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng quyền hạn, nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét, miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.</p>	<p>6. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng quyền hạn, nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét, miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>5. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách Kiểm soát viên, các Kiểm soát viên có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu Trưởng Ban kiểm soát (đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty).</p>	<p>7. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách Kiểm soát viên, các Kiểm soát viên có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu Trưởng Ban kiểm soát (đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty).</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>6. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Kiểm soát viên mới để bổ sung, hoặc thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu của Ban kiểm soát.</p>	<p>8. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Kiểm soát viên mới để bổ sung, hoặc thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu của Ban kiểm soát.</p>	<p>Cập nhật STT</p>

	Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	Bổ sung theo Điều 10 Quy chế BKS mẫu, phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
	1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác; e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;	Bổ sung theo khoản 1 Điều 10 Quy chế BKS mẫu, phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC

	g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).	
	2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.	Bổ sung theo khoản 2 Điều 10 Quy chế BKS mẫu, phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
<u>Mục 2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT</u>	Bỏ	Bỏ đi, thay đổi cấu trúc theo quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
	CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT	Thay đổi lại bố cục cho phù hợp với quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
<u>Điều 5. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</u>	Điều 10. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Chuyển từ điều 5 quy chế cũ, thay đổi thứ tự điều cho phù hợp với bố cục quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
1. Quyền hạn	1. Quyền hạn của Ban kiểm soát	Bổ sung cho phù hợp với tên điều
d) Xem xét sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công	d. Xem xét sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc	Sửa đổi cho phù hợp với quy

việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông của công ty.	quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của công ty.	định tại Luật doanh nghiệp
	e. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung theo khoản 16 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
d) Đề nghị tổ chức phiên họp Hội đồng quản trị bất thường; Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập, hoặc trực tiếp triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	f. Đề nghị tổ chức phiên họp Hội đồng quản trị bất thường; Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập, hoặc trực tiếp triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Cập nhật STT
	g. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo khoản 15 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
	h. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp,	Bổ sung theo khoản 14 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
e) Tham gia lựa chọn và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán	i. Tham gia lựa chọn và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm	Cập nhật STT, thay đổi cách dung từ để đúng với quy định

báo cáo tài chính của Công ty, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan.	toán báo cáo tài chính của Công ty, tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết , mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan.	của Luật, bổ sung nội dung theo khoản 17 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
f) Được yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các cán bộ quản lý khác của Công ty và Kiểm toán viên độc lập trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.	j. Được yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các cán bộ quản lý khác của Công ty và Kiểm toán viên độc lập trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm và theo đề nghị của cổ đông.	Cập nhật STT, bổ sung nội dung theo khoản 12 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.
g) Được sử dụng tư vấn độc lập và cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.	k. Được sử dụng tư vấn độc lập và cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.	Cập nhật STT
h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	l. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát , điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	Cập nhật STT, bổ sung nội dung phù hợp với khoản 7 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.
	m. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.	Bổ sung theo khoản 19 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.
	n. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo khoản 11 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.
i) Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều	o. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều	Cập nhật STT

lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	
2. Nghĩa vụ	2. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Bổ sung cho phù hợp với tên điều
d) Xem xét các đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có liên quan (nếu có).	e. Xem xét các đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có liên quan (nếu có).	Cập nhật STT
e) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.	f. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.	Cập nhật STT
f) Xem xét thư quản lý của Kiểm toán viên độc lập và các ý kiến trình bày của người quản lý thuộc CTy.	g. Xem xét thư quản lý của Kiểm toán viên độc lập và các ý kiến trình bày của người quản lý thuộc CTy.	Cập nhật STT
	f. Thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	Bổ sung theo khoản 21 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.
g) Thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có hành vi vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty; Yêu cầu người	i. Thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có hành vi vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều	Cập nhật STT, bổ sung nội dung theo khoản 8 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.

<p>có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</p>	<p>165 Luật doanh nghiệp và Yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</p>	
<p>h) Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên báo cáo kết quả hoạt động giám sát của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>j. Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên báo cáo kết quả hoạt động giám sát của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
	<p>k. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 6 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>l. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 18 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>m. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị,</p>	<p>Bổ sung theo khoản 20 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính</p>

	Giám đốc và cổ đông.	kèm TT 116/2020/TT-BTC.
	n. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo khoản 23 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.
	o. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	Bổ sung theo khoản 24 điều 11 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.
i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	p. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Cập nhật STT
Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin	Điều 11. Quyền được cung cấp thông tin	Chuyển từ điều 14 quy chế cũ, thay đổi thứ tự điều cho phù hợp với bố cục quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
1. Kiểm soát viên được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:	1. Kiểm soát viên được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:	

<p><u>b) Văn bản của Giám đốc trình Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 điều 12 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>c) Các thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh <u>của Công ty</u>; Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; Các thông tin (báo cáo) tài chính và các thông tin, tài liệu khác.</p>	<p>c. Các thông tin, tài liệu, báo cáo về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc trình Hội đồng quản trị; Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; Các thông tin (báo cáo) tài chính và các thông tin, tài liệu khác do Công ty phát hành.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với điểm c khoản 1 điều 12 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>2. Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty <u>cho Ban kiểm soát</u> (chi tiết tại Phụ lục kèm theo). Trường hợp <u>Kiểm soát viên</u> có yêu cầu cung cấp thêm thông tin thì được thực hiện trong thời gian tối đa là 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Yêu cầu về cung cấp thông tin của các Kiểm soát viên phải được gửi bằng văn bản trực tiếp đến người có trách nhiệm cung cấp.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát (chi tiết tại Phụ lục kèm theo). Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có yêu cầu cung cấp thêm thông tin thì được thực hiện trong thời gian tối đa là 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Yêu cầu về cung cấp thông tin của các Kiểm soát viên phải được gửi bằng văn bản trực tiếp đến người có trách nhiệm cung cấp.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 3 điều 12 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>3. Kiểm soát viên <u>được</u> tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính và các địa điểm khác; Có quyền đến các địa điểm nơi cán bộ quản lý, nhân viên Công ty làm việc để thu nhận thông tin...</p>	<p>3. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; Có quyền đến các địa điểm nơi cán bộ quản lý, nhân viên Công ty làm việc để thu nhận thông tin trong giờ làm việc.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp khoản 2 điều 12 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.</p>

<p>Điều 13. Nội dung, trình tự tiến hành giám sát, kiểm tra</p>	<p>Điều 12. Nội dung, trình tự tiến hành giám sát, kiểm tra</p>	<p>Chuyển từ điều 13 quy chế cũ, thay đổi thứ tự điều cho phù hợp với bố cục quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Bổ sung theo điều 13 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 điều 13 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 điều 13 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.</p>

	3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.	Bổ sung theo khoản 3 điều 13 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.
<u>Điều 15.</u> Bảo mật thông tin	Điều 14. Bảo mật thông tin	Chuyển từ điều 15 quy chế cũ, thay đổi thứ tự điều cho phù hợp với bố cục quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	Bổ sung chương, thay đổi lại bố cục cho phù hợp với quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
<u>Điều 10.</u> Chế độ làm việc của Ban kiểm soát	Điều 15. Cuộc họp Ban kiểm soát	Chuyển từ điều 10 quy chế cũ, thay đổi thứ tự điều và tên điều cho phù hợp với bố cục quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	5. Cuộc họp của Ban kiểm soát có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các Kiểm soát viên khi tất cả hoặc một số kiểm soát viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi kiểm soát viên tham gia họp đều có thể: a. Theo dõi và giao tiếp được với các Kiểm soát viên	Bổ sung nội dung dành cho cuộc họp dưới hình thức trực tuyến.

	<p>khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Kiểm soát viên tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm có mặt Trưởng Ban kiểm soát.</p>	
<u>Điều 11.</u> Trình tự tiến hành họp Ban kiểm soát	Điều 16. Trình tự tiến hành họp Ban kiểm soát	Chuyển từ điều 11 quy chế cũ, thay đổi thứ tự điều cho phù hợp với bố cục quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
3. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 02 (hai) Kiểm soát viên trở lên tham dự. Trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát có thể <u>mời thêm đại biểu (không phải là Kiểm soát viên) tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát.</u>	3. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 02 (hai) Kiểm soát viên trở lên tham dự. Trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát có thể yêu cầu thêm thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	Bổ sung cho phù hợp với khoản 2 điều 14 quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát	Bổ sung điều 15 quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC

	1. Các cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.	Bổ sung khoản 1 điều 15 quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	2. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Bổ sung khoản 2 điều 15 quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	3. Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.	Bổ sung khoản 3 điều 15 quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	Bổ sung khoản 4 điều 15 quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
Điều 12. Thông qua quyết định quan trọng của Ban kiểm soát	Điều 18. Thông qua quyết định quan trọng của Ban kiểm soát	Chuyển từ điều 12 quy chế cũ, thay đổi thứ tự điều cho phù hợp với bố cục quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	CHƯƠNG V	Bổ sung chương, thay đổi lại bố cục cho phù hợp với quy chế

	BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
	Điều 19. Trình báo cáo hàng năm Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:	Bổ sung theo điều 16 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
	1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Bổ sung theo khoản 1 điều 16 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
	2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.	Bổ sung theo khoản 2 điều 16 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
	3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.	Bổ sung theo khoản 3 điều 16 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
	4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.	Bổ sung theo khoản 4 điều 16 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
	5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ	Bổ sung theo khoản 5 điều 16 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC

	với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.	kèm TT 116/2020/TT-BTC
	6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.	Bổ sung theo khoản 6 điều 16 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
	7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.	Bổ sung theo khoản 7 điều 16 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
	8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.	Bổ sung theo khoản 8 điều 16 quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC
Điều 9. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát.	Điều 20. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát.	Chuyển từ điều 9 quy chế cũ, thay đổi thứ tự điều cho phù hợp với bố cục quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan	Bổ sung theo điều 18 phụ lục

		mẫuphụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	<p>1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</p>	Bổ sung theo khoản 1 điều 18 phụ lục mẫuphụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	<p>2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p>	Bổ sung theo khoản 2 điều 18 phụ lục mẫuphụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	<p>3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của</p>	Bổ sung theo khoản 3 điều 18 phụ lục mẫuphụ lục đính kèm

	Công ty.	IV TT 116/2020/TT-BTC
	4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin 24 giờ về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	Bổ sung theo khoản 4 điều 18 phụ lục mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	Bổ sung theo khoản 5 điều 18 phụ lục mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	Bổ sung chương, thay đổi lại bố cục cho phù hợp với quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.
	Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	Bổ sung theo điều 19 phụ lục mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC

	Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.	Bổ sung nội dung theo điều 19 phụ lục mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
Điều 16. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát	Điều 23. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát	Chuyển từ điều 16 quy chế cũ, thay đổi thứ tự điều cho phù hợp với bố cục quy chế mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
2. Quan hệ với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.	2. Quan hệ với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.	
	a. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.	Bổ sung theo điều 20 phụ lục mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
	b. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo điều 20 phụ lục mẫu phụ lục đính kèm IV TT 116/2020/TT-BTC
a) Ban kiểm soát thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 5 quy chế này một cách độc lập với Hội	c. Ban kiểm soát thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 10 quy chế này một cách độc lập với Hội	Cập nhật STT, cập nhật dẫn

đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.	đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.	chiều số điều
b) Ban kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị Công ty, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Petrolimex và của cổ đông.	d. Ban kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị Công ty, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Petrolimex và của cổ đông.	Cập nhật STT
c) Các cuộc kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản và gửi Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý có liên quan khác của Công ty.	e. Các cuộc kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản và gửi Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý có liên quan khác của Công ty.	Cập nhật STT
d) Khi nhận được kết quả giám sát, kiểm tra cùng những đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty sẽ xem xét, có ý kiến chỉ đạo các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện. Ban kiểm soát giám sát việc tổ chức thực hiện các ý kiến chỉ đạo này.	f. Khi nhận được kết quả giám sát, kiểm tra cùng những đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty sẽ xem xét, có ý kiến chỉ đạo các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện. Ban kiểm soát giám sát việc tổ chức thực hiện các ý kiến chỉ đạo này.	Cập nhật STT
<u>CHƯƠNG III</u> ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	<u>CHƯƠNG VII</u> ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Đổi tên chương cho phù hợp với bố cục quy chế mẫu phụ lục IV đính kèm TT 116/2020/TT-BTC.
<u>Điều 17.</u> Điều khoản thi hành	<u>Điều 24.</u> Điều khoản thi hành	Cập nhật STT điều
1. Quy chế này gồm có <u>3 chương, 17 điều</u> và có hiệu lực	1. Quy chế này gồm có 7 chương, 24 điều và có hiệu lực	Cập nhật số chương, điều của

theo quyết định ban hành.	theo quyết định ban hành ngày tháng 01 năm 2023.	quy chế mới, bổ sung thông tin ngày thông qua quy chế sửa đổi.
---------------------------	---	--

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình số/TT-ĐHĐCĐ (V/v Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh), ngày tháng 01 năm 2023)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Điều lệ sửa đổi” là phần **màu đỏ, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Quy định tại quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p style="text-align: center;">CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</p>	
	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p>	<p>Bổ sung theo Điều 1 Điều lệ mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Bổ sung theo Điểm a Khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung theo Điểm b Khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>3. Các cụm từ viết tắt trong Quy chế này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HDQT: Hội đồng quản trị Công ty - BKS: Ban Kiểm soát Công ty - Công ty TNHH: Công ty trách nhiệm hữu hạn 	<p>Bổ sung để giải thích ý nghĩa các cụm từ viết tắt trong Quy chế</p>

	<p>- Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh</p> <p>- Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh</p>	
<p><u>Điều 1. Trách nhiệm pháp lý của HĐQT</u></p> <p><u>Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).</u></p> <p><u>Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của công ty, HĐQT ban hành quy chế hoạt động nhằm cụ thể hoá quyền và nghĩa vụ, chế độ phân công, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của HĐQT. Trong quá trình hoạt động HĐQT sẽ điều chỉnh, sửa đổi bổ sung quy chế phù hợp với tình hình hoạt động của công ty.</u></p>		<p>Nội dung này đã được nêu cụ thể trong trách nhiệm của Hội đồng quản trị. Thay đổi để phù hợp với Quy chế mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của <u>HĐQT</u></p>	<p><u>Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị</u></p>	<p>Sửa viết tắt</p>
<p>HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể <u>lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết của HĐQT.</u> Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT</p>	<p>HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với quy định tại khoản 1, điều 3, Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

đối với sự phát triển của công ty.		
<u>Điều 14. Thành viên HĐQT</u>	CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Sửa lại cấu trúc theo Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
14.1. <u>Trách nhiệm, quyền hạn của các thành viên HĐQT:</u>	Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi theo Điều 3 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.	Bổ sung theo khoản 1 Điều 3 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ Quản trị công ty và các nghĩa vụ sau:	Bổ sung theo khoản 2 Điều 3 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
- Ủy viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT phân công phụ trách một số lĩnh vực cụ thể, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Chủ tịch HĐQT về công việc thuộc lĩnh vực được phân công. Không ủy quyền	a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty; b) Ủy viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT phân công phụ	Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 3 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư

<p>cho người khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ủy viên HĐQT có trách nhiệm xem xét, trình HĐQT giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Ủy viên HĐQT phải dành thời gian thỏa đáng để nghiên cứu các nội dung chuẩn bị biểu quyết của HĐQT, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT ủy quyền và báo cáo kết quả công việc với HĐQT trong phiên họp gần nhất. - Ủy viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của HĐQT, thảo luận và biểu quyết những vấn đề được đưa ra phiên họp hoặc phiếu xin ý kiến. - Ủy viên HĐQT có quyền đề nghị HĐQT xem xét một số vấn đề của công ty. 	<p>trách một số lĩnh vực cụ thể, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Chủ tịch HĐQT về công việc thuộc lĩnh vực được phân công. Không ủy quyền cho người khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> c) Ủy viên HĐQT có trách nhiệm xem xét, trình HĐQT giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Ủy viên HĐQT phải dành thời gian thỏa đáng để nghiên cứu các nội dung chuẩn bị biểu quyết của HĐQT, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT ủy quyền và báo cáo kết quả công việc với HĐQT trong phiên họp gần nhất. d) Ủy viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của HĐQT, thảo luận và biểu quyết những vấn đề được đưa ra phiên họp hoặc phiếu xin ý kiến. e) Ủy viên HĐQT có quyền đề nghị HĐQT xem xét một số vấn đề của công ty. 	<p>116/2020/TT-BTC</p>
	<ul style="list-style-type: none"> f) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác; g) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý 	<p>Bổ sung theo điểm c, d, đ khoản 2 Điều 3 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>h) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.</p>	
	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 3 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><u>14.2. Thành viên HĐQT thay thế:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT có thể chỉ định 1 thành viên HĐQT khác để thay thế; hoặc chỉ định 1 người bất kỳ nào khác được HĐQT phê chuẩn để thay thế mình và có quyền bãi miễn người thay thế. Việc chỉ định và bãi miễn phải bằng văn bản. Thành viên thay thế có quyền được họp và thực hiện các chức năng được chỉ định thay thế nhưng không được nhận bất kỳ một khoản thù lao nào từ công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. - Trường hợp thành viên HĐQT hoặc người thay thế đi công tác nước ngoài, công ty không bắt buộc gửi thông báo về các cuộc họp cho họ khi họ không có mặt tại Việt Nam. - Thành viên thay thế phải từ bỏ tư cách thành 		<p>Bỏ nội dung này vì không thuộc thẩm quyền của HĐQT mà thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp</p>

<p>viên HĐQT nếu người chỉ định mình không còn là thành viên của HĐQT. Nếu 1 thành viên HĐQT hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này chỉ định trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.</p> <p>- Thành viên thay thế phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình như một thành viên chính thức.</p>		
<p>14.5. Thành viên kiêm nhiệm:</p> <p>Các thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở công ty hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.</p>	<p>Các thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở công ty hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>14.3. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên <u>HĐQT</u>:</p> <p>i) Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc và <u>bất kỳ cán bộ</u> quản lý <u>các đơn vị</u> trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của <u>công</u> ty và của các đơn vị trong công ty.</p> <p>j) <u>Cán bộ</u> quản lý phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của</p>	<p>Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc và người quản lý khác trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong công ty.</p> <p>Người quản lý phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.</p> <p>Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 4 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>thành viên HĐQT.</p>	<p>quy định theo Điều lệ công ty.</p>	
<p>14.4. <u>Bổ sung thành viên HĐQT:</u> <u>Khi số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại điều lệ công ty, thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày để bầu bổ sung thành viên HĐQT. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</u></p>		<p>Loại bỏ do trùng với nội dung Điều 8 Quy chế này</p>
<p><u>Điều 3. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động</u> k) <u>Cơ cấu tổ chức: HĐQT</u> gồm 05 thành viên: 01 Chủ tịch HĐQT; 04 ủy viên. l) <u>Việc phân công điều chuyển nhiệm vụ giữa các</u></p>	<p>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên: 01 Chủ tịch HĐQT; 04 ủy viên. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 5 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và</p>

<p><u>thành viên phụ thuộc vào tình hình kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ, do HĐQT quyết định.</u></p> <p>m) <u>Nhiệm kỳ Thành viên HĐQT là 05 năm.</u> Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT <u>do ĐHĐCĐ quyết định.</u></p>	<p>viên HĐQT được quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.</p>	<p>bổ sung trích dẫn luật đến Điều 26 Điều lệ Công ty</p>
	<p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.</p> <p>4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 2, 3, 4 Điều 5 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><u>Điều 4. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT</u></p>	<p><u>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng quản trị</u></p>	<p>Sửa tiêu đề theo Điều 6 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><u>4.1. Tiêu chuẩn</u></p>	<p>1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 1</p>

<ul style="list-style-type: none"> - <u>Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 155 Khoản 1 Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan tại Điều lệ Công ty.</u> - Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của công ty. 	<p>điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp và quy định tại khoản 4 Điều 25 tại Điều lệ Công ty. b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ; e) Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của công ty. 	<p>Điều 6 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là 	<p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 6 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;.</p>	
<p>4.2. Thành viên HĐQT không còn tư cách nếu không đáp ứng được các quy định về tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 4.1 Điều này và vi phạm quy định tại Điều 26 Khoản 3 Điều lệ công ty trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản</p>	<p>3. Thành viên HĐQT không còn tư cách nếu không đáp ứng được các quy định về tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này và vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ công ty trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Có đơn từ chức;</p> <p>c) Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người</p>	<p>Sửa đổi STT và trích dẫn lại luật theo Quy chế này và Điều lệ Công ty</p>

<p>trị;</p> <p>b.Có đơn từ chức;</p> <p>c.Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện;</p> <p>d.Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>e.Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>f.Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Cung cấp thông tin cá nhân sau khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>h.Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>đại diện;</p> <p>d) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>e) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>f) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g) Cung cấp thông tin cá nhân sau khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
	<p>4. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1,2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 6 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	đồng để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.	
<u>Điều 13.</u> Chủ tịch <u>HĐQT</u>	Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Sửa STT và viết tắt theo Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo khoản 1 Điều 7 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Giám đốc	Bổ sung theo khoản 2 Điều 7 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu Chủ tịch HĐQT.</u> * Chủ tịch HĐQT có <u>các quyền và nhiệm vụ</u> sau: - Lập chương trình kế hoạch hoạt động của HĐQT.	3. Chủ tịch HĐQT có quyền và <u>nghĩa vụ</u> sau: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT. b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp <u>Hội đồng quản trị.</u>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với khoản 3 điều 7 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

<p>- Chủ tọa cuộc họp <u>HDQT, cuộc họp ĐHĐCĐ.</u></p> <p>- Thay mặt HDQT ký các nghị quyết HDQT, ký kết các hợp đồng thuộc thẩm quyền của HDQT; phê duyệt các hợp đồng để ủy quyền cho Giám đốc ký kết.</p> <p><u>- Là chủ tài khoản của công ty hoặc ủy quyền cho Giám đốc giao dịch với ngân hàng trong phạm vi nhất định trong từng thời kỳ.</u></p> <p>- Giám sát <u>Giám đốc Công ty trong việc</u> thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT.</p> <p>- <u>Giao việc chuẩn bị nội dung cuộc họp HDQT và ĐHĐCĐ cho Giám đốc điều hành công ty chỉ đạo thực hiện.</u></p> <p>- Theo dõi, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HDQT.</p> <p>- Phân công thành viên HDQT thẩm định và phê duyệt các loại hợp đồng quy định tại Điều 10 Quy chế này.</p> <p>- Quyết định cử thành viên HDQT, cán bộ thuộc quyền quản lý của HDQT công tác, học tập, tham quan khảo sát ở nước ngoài.</p> <p>- Ủy quyền bằng văn bản cho 01 thành viên HDQT khác chỉ đạo công việc của HDQT khi Chủ tịch đi vắng.</p>	<p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f) Thay mặt HDQT ký các nghị quyết HDQT, ký kết các hợp đồng thuộc thẩm quyền của HDQT; phê duyệt các hợp đồng để ủy quyền cho Giám đốc ký kết.</p> <p>g) Theo dõi, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HDQT.</p> <p>h) Phân công thành viên HDQT thẩm định và phê duyệt các loại hợp đồng quy định tại Điều 12 Quy chế này.</p> <p>i) Quyết định cử thành viên HDQT, cán bộ thuộc quyền quản lý của HDQT công tác, học tập, tham quan khảo sát ở nước ngoài.</p> <p>j) Ủy quyền bằng văn bản cho 01 thành viên HDQT khác chỉ đạo công việc của HDQT khi Chủ tịch đi vắng.</p>	
---	---	--

	<p>k) Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 điều 29 điều lệ công ty</p>
<p>- Tổ chức thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <p>± Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến.</p> <p>± Tổ chức, gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền được họp ĐHĐCĐ.</p> <p>± Thông báo biên bản kết quả kiểm phiếu, và các quyết định được thông qua đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>l) Tổ chức thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến. - Tổ chức, gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền được họp ĐHĐCĐ. - Thông báo biên bản kết quả kiểm phiếu, và các quyết định được thông qua đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. 	<p>Sửa STT phù hợp với điểm k khoản 3 Điều 7 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>- Trường hợp Chủ tịch <u>HDQT</u> vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện <u>các</u> quyền và <u>nhiệm</u> vụ của Chủ tịch <u>HDQT</u> theo <u>qui chế này và</u> Điều lệ công ty. Trường hợp không có</p>	<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 4 Điều 7 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư</p>

<p>người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>không làm việc được</u> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên <u>tam thời</u> giữ chức Chủ tịch <u>HĐQT</u> theo nguyên tắc đa số <u>quá bán</u>.</p>	<p>nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>116/2020/TT-BTC</p>
	<p>5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ 	<p>Bổ sung theo khoản 5 điều 7 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	công ty.	
	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung theo Điều 8 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn 	Bổ sung theo khoản 1, 2, 3, 4 Điều 8 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	<p>nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	
	<p>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung theo Điều 9 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung theo điểm a khoản 1 Điều 9 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành</p>

	<p>thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>b) Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty</p>
	<p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2, 3, 4 Điều 9 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.</p>	
	<p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung theo Điều 10 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo</p>

		Thông tư 116/2020/TT-BTC
	<p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;b) Trình độ chuyên môn;c) Quá trình công tác;d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông	Bổ sung theo khoản 1 Điều 10 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	<p>tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	
	<p>2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, công ty thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC</p>
	<p>3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 10 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><u>Điều 5. Người phụ trách quản trị Công ty</u> <u>5.1. Chức năng: Người phụ trách quản trị Công ty làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.</u> <u>5.2. Nhiệm vụ:</u> <u>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</u> <u>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và</u></p>		<p>Nội dung này đã được đã diễn giải trong điều lệ công ty và để phù hợp với Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5.3. Thù lao và quyền lợi:

- Người phụ trách quản trị Công ty được nhận một khoản thù lao nhất định do HĐQT quyết định và được cung cấp trang thiết bị phục vụ cho công việc và nhiệm vụ được giao. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí hoạt động của HĐQT theo quy định.

<p style="text-align: center;"><u>Chương II</u> <u>NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u></p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>Sửa STT chương và tiêu đề phù hợp Chương III Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><u>Điều 6. Nhiệm vụ chung</u></p>	<p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa STT điều và tiêu đề phù hợp Điều 11 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 11 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 11 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p><u>6.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT.</u> HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.</p>	<p>a) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.</p> <p>b) HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.</p>	<p>Bổ sung theo điểm k khoản 2 Điều 11 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><u>6.2.</u> HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính.</p> <p><u>6.3.</u> Nhiệm vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và ĐHĐCĐ quy định theo <u>Điều 153 Khoản 2</u> Luật Doanh nghiệp và <u>Điều 27 Khoản 2</u> Điều lệ công ty.</p>	<p>c) HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính.</p> <p>d) Nhiệm vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và ĐHĐCĐ quy định theo khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 27 Điều lệ công ty.</p>	<p>Cập nhật STT và đổi lại cách trích dẫn luật</p>
<p><u>Điều 7.</u> Quyết định chiến lược phát triển công ty, kế hoạch xây dựng phát triển SXKD</p>	<p>e) Quyết định chiến lược phát triển công ty, kế hoạch xây dựng phát triển SXKD</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><u>7.1. Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 2% vốn sở hữu của Công ty hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.</u></p>		<p>Đây là thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty</p>

<p><u>7.2. Quyết định nghiên cứu các công nghệ mới.</u></p> <p><u>7.3. Quyết định phát triển thị trường.</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định nghiên cứu các công nghệ mới. - Quyết định phát triển thị trường. 	<p>Bỏ STT</p>
<p>7.4. Quyết định bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh.</p>		<p>Đây là thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty</p>
<p>Điều 8. KIỆN TOÀN TỔ CHỨC CÔNG TY</p>	<p>f) KIỆN TOÀN TỔ CHỨC CÔNG TY</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><u>8.1. Quyết định thành lập công ty con dưới dạng công ty TNHH 01 thành viên, quyết định góp vốn vào công ty TNHH 02 thành viên trở lên; cử người quản lý phần vốn góp của công ty vào công ty TNHH; mua cổ phần của các Công ty cổ phần; cử người quản lý cổ phần của công ty trong Công ty cổ phần.</u></p> <p><u>8.2. Quyết định thành lập chi nhánh, VPĐD ở trong và ngoài nước.</u></p> <p><u>8.3. Quyết định đầu tư ra nước ngoài dưới mọi hình thức phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật nước dự kiến đầu tư và pháp luật quốc tế.</u></p> <p><u>8.4. Ban hành các quy chế hoạt động của công ty thuộc thẩm quyền.</u></p>		<p>Không phù hợp với Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p><u>8.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương các cán bộ quản lý quan trọng của công ty:</u></p> <p><u>- Ký hợp đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh được quy định trong Quy chế tổ chức thực hiện công tác cán bộ của Công ty.</u></p> <p><u>- Phê duyệt và uỷ quyền cho Giám đốc ký hợp đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh được quy định trong Quy chế tổ chức thực hiện công tác cán bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc.</u></p> <p><u>- Duyệt mức lương theo đề nghị của Giám đốc đối với Trưởng các đơn vị trực thuộc công ty.</u></p> <p><u>- Có quyền đình chỉ, huỷ bỏ không điều kiện các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy các quyết định đó đi ngược lại lợi ích của công ty, vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty.</u></p>		
	<p>- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện</p>	<p>Bổ sung theo điểm i khoản 2 Điều 11 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	
	<p>- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p>	<p>Bổ sung theo điểm l khoản 2 Điều 11 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p>	<p>Bổ sung theo điểm p khoản 2 Điều 11 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;</p>	<p>Bổ sung theo điểm q khoản 2 Điều 11 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p><u>Điều 9.</u>Các vấn đề tài chính và ngân sách</p>	<p>g) Các vấn đề tài chính và ngân sách</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<ul style="list-style-type: none"> - <u>Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán, quyết định việc mua lại dưới 10% số cổ phần đã chào bán của từng loại.</u> - <u>Quyết định huy động vốn bằng các hình thức khác: Phát hành trái phiếu, Phát hành cổ phiếu, vay vốn từ cổ đông, vay vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.</u> 		<p>Không phù hợp với Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt cơ chế tài chính công ty theo quy định pháp luật và tình hình sản xuất hàng năm. - Quyết định mức trích quỹ đầu tư phát triển hàng năm. - Quyết định mức trích quỹ dự phòng tài chính. - Quyết định mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. - Quyết định mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. - Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty. 	<p>Hội đồng quản trị có các quyền hạn đối với các vấn đề về tài chính và ngân sách được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ công ty và các quyền hạn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt cơ chế tài chính công ty theo quy định pháp luật và tình hình sản xuất hàng năm. - Quyết định mức trích quỹ đầu tư phát triển hàng năm. - Quyết định mức trích quỹ dự phòng tài chính. - Quyết định mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. - Quyết định mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. 	<p>Bổ sung trích dẫn đến Điều lệ công ty</p>

	- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty.	
- <u>Quyết định bán cổ phần trên thị trường chứng khoán.</u> - <u>Quyết định việc định giá tài sản góp vốn của công ty không phải là tiền, vàng, ngoại tệ.</u>		Không phù hợp với Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.	Bổ sung theo điểm b khoản 2 Điều 11 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác	Bổ sung theo điểm c khoản 2 Điều 11 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung theo điểm đ khoản 2 Điều 11 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư

		116/2020/TT-BTC
	- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;	Bổ sung theo điểm e khoản 2 Điều 11 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	Bổ sung theo điểm o khoản 2 Điều 11 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<p>Điều 11.Tổ chức ĐHĐCĐ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Duyệt chương trình nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ. - Triệu tập họp ĐHĐCĐ. - Thực hiện thủ tục hỏi ý kiến bằng văn bản đề ĐHĐCĐ ra quyết định. - Báo cáo trước ĐHĐCĐ về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. 	<p>g)Tổ chức ĐHĐCĐ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Duyệt chương trình nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ. - Triệu tập họp ĐHĐCĐ. - Thực hiện thủ tục hỏi ý kiến bằng văn bản đề ĐHĐCĐ ra quyết định. - Báo cáo trước ĐHĐCĐ về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và các cán bộ quản 	Cập nhật STT

	lý khác trong năm tài chính.	
<p>Điều 12.Các nhiệm vụ khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện giải quyết khiếu nại trong nội bộ công ty. - Tiến hành hoà giải các tranh chấp giữa công ty với bạn hàng. - Trực tiếp hoặc uỷ quyền giải quyết các vụ kiện mà một bên là công ty. 	<p>h) Các nhiệm vụ khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện giải quyết khiếu nại trong nội bộ công ty. - Tiến hành hoà giải các tranh chấp giữa công ty với bạn hàng. - Trực tiếp hoặc uỷ quyền giải quyết các vụ kiện mà một bên là công ty. 	Cập nhật STT
<p>Điều 10. Quy định về phê duyệt và ký kết hợp đồng</p>	<p>Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</p>	Cập nhật STT điều và tiêu đề phù hợp với Điều 12 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<p>HĐQT phê duyệt hoặc trực tiếp ký các loại hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của công ty. - Hợp đồng vay vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước. 	<p>a) HĐQT phê duyệt hoặc trực tiếp ký các loại hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của công ty. - Hợp đồng vay vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước. - Hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh. 	Cập nhật STT và trích dẫn luật

<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh. - Hợp đồng liên quan tới bất động sản: mua, bán nhà đất, góp vốn bằng QSH nhà, QSD đất, thuê nhà, đất, cho thuê nhà, đất, các hợp đồng xây dựng cơ bản. - Hợp đồng thuê công ty kiểm toán, công ty dịch vụ pháp lý, và các dịch vụ khác. - Chấp thuận bằng văn bản các hợp đồng kinh tế, dân sự của công ty ký với: thành viên HĐQT, Giám đốc, thành viên ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và các hợp đồng của công ty ký với những người có liên quan của họ theo quy định tại <u>Điều 87 Luật Doanh nghiệp.</u> - Giám sát việc ký kết hợp đồng để tránh hợp đồng bị vô hiệu gây thiệt hại cho công ty. - Phê duyệt các phương án tổ chức thực hiện các hợp đồng SXKD do Giám đốc trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng liên quan tới bất động sản: mua, bán nhà đất, góp vốn bằng quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, thuê nhà, đất, cho thuê nhà, đất, các hợp đồng xây dựng cơ bản. - Hợp đồng thuê công ty kiểm toán, công ty dịch vụ pháp lý, và các dịch vụ khác. - Chấp thuận bằng văn bản các hợp đồng kinh tế, dân sự của công ty ký với: thành viên HĐQT, Giám đốc, thành viên ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và các hợp đồng của công ty ký với những người có liên quan của họ theo quy định tại khoản 1 điều 167 Luật Doanh nghiệp. - Giám sát việc ký kết hợp đồng để tránh hợp đồng bị vô hiệu gây thiệt hại cho công ty. - Phê duyệt các phương án tổ chức thực hiện các hợp đồng SXKD do Giám đốc trình. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; 	<p>Bổ sung theo điểm h khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp</p>

	<p>b) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ; - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp. 	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 12 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>c) Người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 12 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>	
	<p>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p>	<p>Bổ sung theo Điều 13 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>1.Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; - Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và 	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 13 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	Điều lệ công ty.	
	<p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p>	Bổ sung theo khoản 2 Điều 13 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	<p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>f) Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;</p>	Bổ sung theo khoản 3 Điều 13 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.	
	Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	Bổ sung theo Điều 14 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	Bổ sung theo khoản 1 Điều 14 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	Bổ sung theo khoản 2 Điều 14 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

<p>Điều 17. Đảm bảo vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - HĐQT sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của công ty để thực hiện chức năng quản lý công ty. - Văn phòng công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của HĐQT, những văn bản của cơ quan cấp trên thuộc trách nhiệm xử lý của HĐQT tới Chủ tịch HĐQT để phê duyệt và chỉ đạo giải quyết. - Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với các thành viên trong ban Giám đốc, các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc công ty để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao 	<p>Điều 15. Đảm bảo vật chất</p> <p>1.HĐQT sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của công ty để thực hiện chức năng quản lý công ty.</p> <p>2.Văn phòng công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của HĐQT, những văn bản của cơ quan cấp trên thuộc trách nhiệm xử lý của HĐQT tới Chủ tịch HĐQT để phê duyệt và chỉ đạo giải quyết.</p> <p>3.Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với các thành viên trong ban Giám đốc, các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc công ty để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p style="text-align: center;">Chương IV HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG IV. CUỘCHỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>Sửa tiêu đề phù hợp với Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 15. Cuộc họp <u>HĐQT</u></p>	<p>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa viết tắt</p>

	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 15 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><u>15.1. HĐQT họp thường kỳ mỗi quý 1 lần vào một ngày mà chủ tịch HĐQT cho là thích hợp. Địa điểm họp HĐQT có thể ở tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác. Ngoài triệu tập họp HĐQT thường kỳ HĐQT có thể họp bất thường khi thấy cần thiết.</u></p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p>	<p>Cập nhật STT và sửa đổi nội dung theo khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty</p>
<p><u>15.2. Các cuộc họp bất thường:</u></p> <p>Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và có các tài liệu cần thiết tới các thành viên HĐQT:</p> <p>a. Ban kiểm soát;</p> <p>b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành</p>	<p>3. Các cuộc họp bất thường:</p> <p>Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận thuộc thẩm quyền của HĐQT và có các tài liệu cần thiết tới các thành viên HĐQT:</p> <p>a) Ban kiểm soát;</p> <p>b) Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p>	<p>Cập nhật STT và bổ sung theo khoản 3 Điều 15 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>khác;</p> <p>c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Các trường hợp khác (nếu có).</p>	<p>c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Các trường hợp khác (nếu có).</p>	
<p>15.3. Thời gian triệu tập họp HĐQT:</p> <p>- <i>Cuộc họp thường kỳ:</i> Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm giao Người phụ trách quản trị Công ty lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp và thông báo cho các thành viên HĐQT chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo có thể bằng văn bản, Fax, thư điện tử, điện thoại.</p> <p>- <i>Cuộc họp HĐQT bất thường:</i> Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điều 15 Khoản 15.2 Quy chế này.</p>	<p>4. Thời gian triệu tập họp HĐQT:</p> <p><i>a) Cuộc họp thường kỳ:</i> Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm giao Người phụ trách quản trị Công ty lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp và thông báo cho các thành viên HĐQT chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo có thể bằng văn bản, Fax, thư điện tử, điện thoại.</p> <p><i>b) Cuộc họp HĐQT bất thường:</i> Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 4 Điều này.</p>	<p>Cập nhật STT và trích dẫn luật</p>
<p>15.4. Người triệu tập họp HĐQT:</p> <p>Người triệu tập họp HĐQT là Chủ tịch HĐQT; trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì người được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền bằng văn bản triệu tập họp HĐQT.</p>	<p>5. Người triệu tập họp HĐQT:</p> <p>Người triệu tập họp HĐQT là Chủ tịch HĐQT; trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì người được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền bằng văn bản triệu tập họp HĐQT.</p>	<p>Cập nhật STT</p>

<p>15.5. Địa điểm họp HĐQT:</p> <p>Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa điểm đã đăng ký của công ty hoặc ở địa điểm khác tại Việt Nam do người triệu tập họp quyết định. HĐQT có thể tổ chức họp theo hình thức nghi sự giữa các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện các phương tiện nghe nhìn có thể đảm bảo để mỗi thành viên HĐQT tham gia có thể nghe từng thành viên cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; <u>có thể phát biểu với tất các thành viên tham gia họp.</u> Các thành viên tham gia họp loại này được coi là có mặt nếu khẳng định được chữ ký của mình, kể cả chữ ký điện tử.</p>	<p>6.Địa điểm họp HĐQT:</p> <p>Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa điểm đã đăng ký của công ty hoặc ở địa điểm khác tại Việt Nam do người triệu tập họp quyết định. HĐQT có thể tổ chức họp theo hình thức trực tuyến giữa các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện các phương tiện nghe nhìn có thể đảm bảo để mỗi thành viên HĐQT tham gia có thể nghe từng thành viên cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp. Các thành viên HĐQT tham gia họp trực tuyến có quyền thảo luận, biểu quyết như các thành viên khác; Biên bản cuộc họp sau đó phải được thành viên tham gia họp trực tuyến ký/xác nhận bằng văn bản hoặc thư điện tử và được coi là hợp lệ.Các thành viên tham gia họp loại này được coi là có mặt nếu khẳng định được chữ ký của mình, kể cả chữ ký điện tử.</p>	<p>Cập nhật STT và bổ sung theo khoản 9 Điều 150 Luật Doanh nghiệp</p>
	<p>7. Thông báo mời họp HĐQT phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không</p>	<p>Bổ sung theo khoản 6, 7 Điều 15 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	được biểu quyết.	
<u>Điều 16. Cuộc họp HĐQT</u>		Trùng với Điều 15 Quy chế này
<u>16.1.</u> Cuộc họp <u>được coi là có giá trị pháp lý</u> khi có ít nhất 3/4 số thành viên HĐQT hoặc người được thành viên HĐQT cử thay thế tham dự.	8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có ít nhất 3/4 số thành viên HĐQT hoặc người được thành viên HĐQT ủy quyền tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Sửa STT, Bổ sung theo khoản 8 Điều 15 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>16.2.</u> Chủ tọa cuộc họp HĐQT là Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt và không ủy quyền thì các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp bầu 1 người làm chủ tọa cuộc họp.	Chủ tọa cuộc họp HĐQT là Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt và không ủy quyền thì các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp bầu 1 người làm chủ tọa cuộc họp.	Cập nhật STT
	9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;	Bổ sung theo khoản 9 Điều 15 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	
<p>16.3. Biểu quyết tại cuộc họp HĐQT:</p> <p>- HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.</p>	<p>10. Biểu quyết tại cuộc họp HĐQT:</p> <p>a) HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.</p>	Cập nhật STT
	b) Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	Bổ sung theo khoản 11 Điều 15 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<p>- Chỉ có thành viên HĐQT hoặc người được thành viên HĐQT ủy quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thính, khách mời không được biểu quyết.</p> <p>- Khi biểu quyết những vấn đề có liên quan đến những hợp đồng kinh tế, dân sự mà thành viên HĐQT dự họp là bên ký kết hợp đồng hoặc có người có liên quan là một bên ký kết thì họ không được biểu quyết và không tính vào số đại biểu có mặt khi biểu quyết để tính tỷ lệ.</p>	<p>c) Chỉ có thành viên HĐQT hoặc người được thành viên HĐQT ủy quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thính, khách mời không được biểu quyết.</p> <p>d) Khi biểu quyết những vấn đề có liên quan đến những hợp đồng kinh tế, dân sự mà thành viên HĐQT dự họp là bên ký kết hợp đồng hoặc có người có liên quan là một bên ký kết thì họ không được biểu quyết và không tính vào số đại biểu có mặt khi biểu quyết để tính tỷ lệ.</p>	Cập nhật STT

<p>- Thành viên HĐQT vắng mặt có thể gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản, Fax, thư điện tử tới cuộc họp HĐQT ít nhất 1 giờ trước giờ khai mạc.</p>	<p>11. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản, Fax, thư điện tử tới cuộc họp HĐQT ít nhất 1 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 10 Điều 15 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>- Thông qua nghị quyết HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể tiến hành cuộc họp HĐQT bằng việc thông báo nội dung và phiếu biểu quyết bằng văn bản. Sau khi nhận được các phiếu lấy ý kiến, thư ký lập biên bản việc kiểm phiếu trình Chủ tịch HĐQT để thông qua nghị quyết.</p>	<p>12. Thông qua nghị quyết HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể tiến hành cuộc họp HĐQT bằng việc thông báo nội dung và phiếu biểu quyết bằng văn bản. Sau khi nhận được các phiếu lấy ý kiến, thư ký lập biên bản việc kiểm phiếu trình Chủ tịch HĐQT để thông qua nghị quyết.</p>	
<p><u>16.4. Những quyết định phải được HĐQT thông qua với đa số biểu quyết:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Quyết định kế hoạch phát triển SXKD và ngân sách hàng năm;</u> - <u>Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do HĐQT thông qua;</u> - <u>Quyết định cơ cấu tổ chức của công ty;</u> - <u>Đề xuất việc tái cấu trúc hoặc giải thể công ty;</u> - <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay bất kỳ các bộ quản lý hoặc người đại diện nào của công ty nếu HĐQT cho là vì lợi ích của</u> 		<p>Loại bỏ do trùng với Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT</p>

<p><u>công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo HĐ lao động của những người bị bãi nhiệm, nếu có;</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;</u> - <u>Giải quyết các khiếu nại của công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của công ty trong các thủ tục pháp lý có liên quan đến cán bộ quản lý đó;</u> - <u>Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</u> - <u>Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;</u> - <u>Quyết định giá bán trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</u> - <u>Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời.</u> 		
<p><u>16.5. Biên bản cuộc họp HĐQT:</u></p>	<p>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa STT và tiêu đề theo Điều 17 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Người phụ trách quản trị Công ty làm thư ký ghi chép đầy đủ nội dung cuộc họp HĐQT vào sổ biên bản. - Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT. 	<p>1.Người phụ trách quản trị Công ty làm thư ký ghi chép đầy đủ nội dung cuộc họp HĐQT vào sổ biên bản.</p> <p>2.Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản cuộc họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa, và thư ký. 	<p>3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có chữ ký của chủ tọa, và thư ký.</p>	<p>Cập nhật STT và bổ sung theo khoản 1 Điều 17 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản phải có các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian và địa điểm họp; + Họ tên thành viên tham dự và thành viên được uỷ quyền và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; + Mục đích, Chương trình và nội dung cuộc họp; + Các vấn đề thảo luận và biểu quyết; + Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; 	<p>Biên bản phải có các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Thời gian và địa điểm họp; c) Họ tên thành viên tham dự và thành viên được uỷ quyền và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; d) Mục đích, Chương trình và nội dung cuộc họp; e) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; g) Tóm tắt phát biểu ý kiến tại cuộc họp, diễn biến cuộc họp, các ý kiến tranh luận; h) Các vấn đề đã được HĐQT thông qua và tỷ lệ biểu quyết 	<p>Cập nhật STT, bổ sung theo khoản 1 Điều 17 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>+ Tóm tắt phát biểu ý kiến tại cuộc họp, diễn biến cuộc họp, các ý kiến tranh luận;</p> <p>+ Các vấn đề đã được HĐQT thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;</p> <p>+ Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, <u>trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.</u></p>	<p>tương ứng;</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này</p>	
	<p>4. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p>	<p>Bổ sung theo luật sửa đổi Luật doanh nghiệp 03/2022/QH15</p>

<p>- Biên bản phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp.</p>	<p>5.Biên bản phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	<p>Cập nhật STT, bổ sung theo khoản 4 Điều 17 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p style="text-align: center;">Chương V <u>ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HĐQT</u></p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH</p>	<p>Sửa tiêu đề theo Chương V Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>Điều 18. Trình báo cáo hằng năm</p> <p>1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:</p> <p>a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính;</p> <p>c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;</p> <p>d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.</p> <p>3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo</p>	<p>Bổ sung theo Điều 18 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.</p>	
<p>Điều 18. <u>Kinh phí hoạt động của HĐQT</u></p>	<p>Điều 19. <u>Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</u></p>	<p>Sửa tiêu đề phù hợp với điều 18 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><u>18.1. HĐQT được ĐHCĐ cho trích một khoản kinh phí đảm bảo hoạt động cho HĐQT, Khoản kinh phí này được quyết toán hàng năm trong báo cáo tài chính.</u></p> <p><u>18.2. Nguyên tắc chi tiêu:</u></p> <p><u>- Đảm bảo công việc quản lý bao gồm:</u></p> <p><u>+ Chi phí các cuộc họp HĐQT, chi phí đi lại, ăn, ở, trong thời gian họp và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ của HĐQT.</u></p> <p><u>+ Chi phí tìm kiếm thị trường: chi phí cho Thành viên HĐQT đi công tác trong và ngoài</u></p>		<p>Do trùng với nội dung bên dưới và không phù hợp với Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p><u>nước.</u></p> <p>+ <u>Chi phí tư vấn.</u></p> <p>- <u>Thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.</u></p> <p>- <u>Đảm bảo thù lao tương xứng cho các chức danh trong HĐQT.</u></p> <p><u>18.3. Chủ tịch HĐQT quyết định phê duyệt các khoản chi phục vụ cho hoạt động của HĐQT.</u></p> <p><u>18.4. Thù lao cho các thành viên HĐQT</u></p> <p><u>Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của công ty quyết định.</u></p>		
	<p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 19 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 19 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	
	3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Bổ sung theo khoản 3 Điều 19 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo khoản 4 Điều 19 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc	Bổ sung theo khoản 4 Điều 19 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư

	<p>hợp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	116/2020/TT-BTC
	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	Bổ sung theo khoản 6 Điều 19 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	<p>Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</p> <p>2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải</p>	Bổ sung theo Điều 20 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	<p>được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</p>	
	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ VỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>Bổ sung theo Chương VI Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 21 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.</p> <p>3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.</p>	
	<p>Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành</p> <p>Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.</p>	<p>Bổ sung theo điều 22 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none"> Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời. 	Bổ sung theo điều 23 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<p><u>Chương VI</u> ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	<p>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	Cập nhật STT
<p><u>Điều 19.</u>Hiệu lực thi hành</p>	<p>Điều 24. Hiệu lực thi hành</p>	Cập nhật STT
	<p>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng 12 năm 2022.</p>	Bổ sung theo điều 24 Mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

<ul style="list-style-type: none">- <u>Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành.</u> Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện quy chế. Ban kiểm soát kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong công ty.- Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung được phản ánh bằng văn bản gửi Người phụ trách quản trị công ty để trình HĐQT xem xét quyết định.	<p>Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện quy chế. Ban kiểm soát kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong công ty.</p> <p>Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung được phản ánh bằng văn bản gửi Người phụ trách quản trị công ty để trình HĐQT xem xét quyết định.</p>	<p>Bỏ nội dung do trùng với nội dung bên trên</p>
---	---	---

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình số/TT-DHĐCĐ (V/v Sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh), ngày tháng 01 năm 2023)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Điều lệ sửa đổi” là phần **màu đỏ, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Quy định tại điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày <u>12 tháng 4 năm 2021.</u>	Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày ... tháng 01 năm 2023.	Cập nhật thời gian sửa đổi Điều lệ
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;	Bổ sung định nghĩa "Vốn điều lệ" theo điểm a khoản 1 điều 1 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Bổ sung theo Điểm b Khoản 1 điều 1 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;	c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;	Cập nhật STT
c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội	d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội	Cập nhật STT

Chủ nghĩa Việt Nam ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Chủ nghĩa Việt Nam ngày 26 tháng 11 năm 2019;	
d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;	e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;	Cập nhật STT
e. "Người điều hành doanh nghiệp" là <u>Giám đốc(Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc)</u> , Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;	f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc , Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;	Cập nhật STT, Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty.
	g. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;	Bổ sung theo Điểm g Khoản 1 điều 1 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	Cập nhật STT
	i. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;	Bổ sung theo Điểm k Khoản 1 điều 1 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;	j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;	Cập nhật STT

<p>h. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p>	<p>k. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p>	<p>l. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>j. "Công ty" là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh;</p>	<p>m. "Công ty" là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh;</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>k. "Địa chỉ liên lạc" là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc</p>	<p>n. "Địa chỉ liên lạc" là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc</p>	<p>Cập nhật STT</p>
	<p>o. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>	<p>Bổ sung theo Điểm o Khoản 1 điều 1 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>p. "Tổ chức kiểm toán được chấp thuận" là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về kiểm toán độc lập.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 22 điều 4 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <u>khoản 2 Điều 53</u> hoặc gia hạn hoạt động theo <u>Điều 54</u> của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <u>khoản 2 Điều 52</u> hoặc gia hạn hoạt động theo <u>Điều 53</u> của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn	Cập nhật lại theo dẫn chiếu
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	
	Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này, Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp	Bổ sung theo khoản 2 Điều 3 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	
	3. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của	Bổ sung theo Phụ lục I, thông tư 116/2020/TT-BTC, trong trường hợp công ty bổ sung

	Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.	ngành nghề kinh doanh có điều kiện.
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
1. Vốn điều lệ của Công ty là 58.476.850.000 VNĐ (năm mươi tám tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.847.685 cổ phần với mệnh giá là 10,000 VNĐ/cổ phần.	1. Vốn điều lệ của Công ty là 58.476.850.000 VNĐ (năm mươi tám tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.847.685 cổ phần với mệnh giá là 10,000 VNĐ/ cổ phần.	Bổ sung làm rõ giá trị một cổ phần
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có) . Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.	3. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.	Bỏ đi nội dung về cổ phần ưu đãi
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.	2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.	Sửa lại dẫn chiếu theo Luật doanh nghiệp
5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với	5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với	Bổ sung theo khoản 4 điều 7 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư

điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cổ đông phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả chứng nhận cổ phiếu cũ cho Công ty để tiêu hủy; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới	116/2020/TT-BTC
Điều 10. Thu hồi cổ phần	Điều 10. Thu hồi cổ phần	
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <u>khoản 3 Điều 111</u> Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <u>khoản 3 Điều 112</u> Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Sửa lại dẫn chiếu theo Luật doanh nghiệp
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	
Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty.

<p>1. Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2. Hội đồng quản trị;</p> <p>3. Ban kiểm soát;</p> <p>4. <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u>Công ty.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2. Hội đồng quản trị;</p> <p>3. Ban kiểm soát;</p> <p>4. Giám đốc Công ty.</p>	
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 12. Quyền của cổ đông	Điều 12. Quyền của cổ đông	
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:	
a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, hoặc theo hình thức khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp và khoản 2 Điều 13 Điều lệ công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	Bổ sung theo điểm a khoản 1 điều 12 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
c. Tự do chuyển nhượng cổ phần <u>đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</u>	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;	Bổ sung, sửa đổi theo điểm d khoản 1 điều 12 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin	e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin	Bổ sung theo điểm đ khoản 1 điều 12 Điều lệ mẫu Phụ lục I

không chính xác;	không chính xác của mình;	ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BT.
<u>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</u>		Loại bỏ do đây không phải nội dung bắt buộc tại Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;	f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;	Cập nhật STT
h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	Cập nhật STT
i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;	Cập nhật STT
	i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa	Bổ sung theo điểm i khoản 1 điều 12 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;	
	j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;	Bổ sung theo điểm k khoản 1 điều 12 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
	k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung theo điểm l khoản 1 điều 12 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	Cập nhật STT
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	
a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và CHƯƠNG IX. Điều 36 điều lệ này;	a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và Điều 36 điều lệ này	Sửa lại cách dẫn luật
b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc các trường hợp khác	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp hoặc trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người	Sửa đổi theo Điểm a khoản 2 điều 12 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

theo quy định tại Điều lệ công ty	quản lý hoặc quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty	
	e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;	Điểm d khoản 2 điều 12 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	Cập nhật STT
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:	2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:	
b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;	b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;	Sửa đổi theo Điểm b khoản 7 điều 13 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
	4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định	Bổ sung theo khoản 2 điều 13 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

	tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;	5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;	Cập nhật STT
	6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác	Bổ sung theo khoản 5 điều 13 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;	7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;	Cập nhật STT
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:	8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:	Cập nhật STT
	9. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo khoản 1, điều 14 Điều lệ mẫu, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	

<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 điều 14 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</u></p>	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 2 điều 14 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	niên của Công ty.	
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	
a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều này.	a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều này.	Bổ sung theo điểm a khoản 4 điều 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 15. Quyền và <u>nhiệm vụ</u> của Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Sửa lại đề mục theo Điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;	Bổ sung theo khoản 1 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	<p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	
<u>1.</u> Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau	<u>2.</u> Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau	Cập nhật STT
b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;	b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng	Bổ sung theo điểm c Khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư

	thành viên Hội đồng quản trị;	116/2020/TT-BTC
c. Báo cáo của Ban kiểm soát;	c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;	Bổ sung theo điểm d Khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
d. Kế hoạch <u>phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;</u>	d. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;	Bổ sung theo điểm a Khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
g. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán <u>độc lập;</u> quyết định công ty kiểm toán <u>độc lập</u> thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, <u>bãi miễn kiểm toán viên độc lập</u> khi xét thấy cần thiết.	g. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.	Sửa theo đúng điểm m khoản 1 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	h. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;	Bổ sung theo điểm e khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;	Bổ sung theo điểm l khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được	Bổ sung theo điểm m khoản 2

	phát hành đối với mỗi loại cổ phần;	điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;	Bổ sung theo điểm n khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;	Bổ sung theo điểm o khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Bổ sung theo điểm p khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	Bổ sung theo điểm r khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;	Bổ sung theo điểm q khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	Bổ sung theo điểm s khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Bổ sung theo điểm u khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	i. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	Bổ sung theo điểm g khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;	Bổ sung theo điểm h khoản 2 điều 15 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</u>		Loại bỏ do trùng ý với khoản 2 Điều 15 này
<u>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</u>		
<u>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề</u>		

nghi sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn Điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng được quyền chào bán;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

<p><u>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</u></p> <p><u>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</u></p> <p><u>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u></p> <p><u>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u></p>		
<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</p>	<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</p>	
<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>	<p>1. Các cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện, trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 1 điều 16 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.	
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <u>theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</u>	2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, cụ thể:	Sửa đổi theo khoản 2 điều 16 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
Điều 17. Thay đổi các quyền	Điều 17. Thay đổi các quyền	
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.	3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.	Cập nhật lại dẫn chiếu đến Điều lệ
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm,...	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm,...	
<u>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</u>		Loại bỏ do Theo quy định tại điều 16 điều lệ này cổ đông không bắt buộc phải dùng mẫu của công ty

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;	a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn theo quy định tại khoản 4 điều này hoặc không đủ, không đúng nội dung	Bổ sung dẫn chiếu Điều lệ
b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này	Sửa đổi theo điểm b khoản 5 điều 18 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận	Bổ sung theo Khoản 6 điều 18 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Sửa đổi để tỉ lệ này lớn hơn hẳn 50% để đảm bảo nguyên tắc quá bán, phù hợp với khoản 1 điều 19 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần	Sửa đổi theo khoản 2 điều 19

<p>thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p>	<p>thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p>	<p>điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất</p>	<p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 3 điều 19 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.</p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.</p>	<p>Bổ sung theo điểm c khoản 2 điều 20 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư</p>

<p>Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp</p>	<p>116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</p>	<p>Bổ sung theo điểm c khoản 2 điều 20 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p><u>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</u></p>	<p>11. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có</p>	<p>Bỏ do trong trường hợp họp trực tuyến sẽ không phù hợp.</p> <p>Bổ sung theo khoản 8 điều 20 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

	nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp	
	12. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 11 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.	Bổ sung theo khoản 9 điều 20 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
12. Hàng năm, Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	13. Hàng năm, Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Cập nhật STT
13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Cập nhật STT
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	

<p><u>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [50%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u></p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với khoản 1 điều 21 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p><u>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</u></p>	<p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với điểm a khoản 1 điều 21 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p><u>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</u></p>	<p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với điểm b khoản 1 điều 21 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p><u>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc).</u></p>	<p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với điểm c khoản 1 điều 21 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo</p>	<p>Bổ sung theo điểm d khoản 1 điều 21 điều lệ mẫu Phụ lục</p>

	tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;	I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
	e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;	Bổ sung theo điểm e khoản 1 điều 21 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
<u>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.</u>	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 2 điều 21 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
<u>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u>	3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 3 điều 21 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

	<p>như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên</p>	
<p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với khoản 4 điều 21 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; b. Định hướng phát triển công ty; c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; 	<p>Bổ sung cho phù hợp với khoản 1 điều 22 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	
<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa lại cách dùng từ cho đúng</p>
<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	
<p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và người đại diện theo pháp luật của Công ty;</u></p>	<p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với điểm g khoản 3 điều 22 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư</p>

		116/2020/TT-BTC
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	
a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, Mã số doanh nghiệp <u>hoặc số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</u>	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, Mã số doanh nghiệp;	Sửa đổi cho phù hợp với điểm a khoản 5 điều 22 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
<u>7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời gian mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</u>	7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 6 điều 22 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	
Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên	i. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên	Cập nhật STT

<p>bản họp.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>bản họp.</p> <p>j. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	
<p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <u>hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u></p>	<p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.</p>	<p>Bổ sung đối tượng công bố thông tin.</p>
<p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi <u>gửi biên bản.</u></p>	<p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi công bố biên bản.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với khoản 3 điều 22 Điều lệ này</p>
<p>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	
<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	
<p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế</p>	<p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có</p>	<p>Bổ sung dẫn chiếu Luật doanh nghiệp, sửa đổi cách dung từ cho phù hợp với</p>

<p>được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành biểu quyết theo quy định pháp luật.</p>	<p>khoản 3 điều 25 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 điều 25 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	
<p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p>	<p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p>	
<p><u>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u> Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.</p> <p>Thành viên HĐQT độc lập không được tham gia HĐQT quá 02 nhiệm kỳ.</p>	<p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu một thành viên độc lập.</p> <p>Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 26 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

	Thành viên HĐQT độc lập không được tham gia HĐQT quá 02 nhiệm kỳ.	
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	
a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;	a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;	Bổ sung dẫn chiếu Luật doanh nghiệp
b. Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty;	b. Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;	Bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 160 Luật doanh nghiệp
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
<u>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</u>	<u>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u>	Sửa đổi cho phù hợp với điểm i khoản 2 điều 27 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác;	d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;	Sửa đổi cho phù hợp với điểm k khoản 2 điều 27 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
<u>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;</u>	h. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty ;	Sửa đổi cho phù hợp với điểm q khoản 2 điều 27 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;	j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	Sửa đổi cho phù hợp với điểm o khoản 2 điều 27 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
	l. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;	Bổ sung theo điểm c khoản 2 điều 27 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>l.</u> Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;	m. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;	Cập nhật STT
<u>m.</u> Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong	n. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong	Cập nhật STT

trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;	trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;	
	o. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung theo điểm đ khoản 2 điều 27 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	p. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;	Bổ sung theo điểm e khoản 2 điều 27 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	q. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;	Bổ sung theo điểm g khoản 2 điều 27 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	r. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;	Bổ sung theo điểm h khoản 2 điều 27 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>n.</u> Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, <u>báo cáo quản trị công ty</u> lên Đại hội đồng cổ đông;	s. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;	Cập nhật STT, sửa đổi theo điểm n khoản 2 điều 27 điều

		lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);	t. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;	Điều chỉnh cho đúng với cơ cấu quản trị công ty.
p. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;	u. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;	Cập nhật STT
q. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ quản lý và cán bộ công nhân viên của Công ty, các đơn vị của Công ty cung cấp các tài liệu, thông tin về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong Công ty.	v. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ quản lý và cán bộ công nhân viên của Công ty, các đơn vị của Công ty cung cấp các tài liệu, thông tin về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong Công ty.	Cập nhật STT
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:	3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:	
e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;	e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty trong thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;	Bổ sung theo điểm e khoản 1 điều 27 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử	h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử	Bổ sung quy định của Luật doanh nghiệp do Luật chứng khoán chưa có quy định cụ

dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;	dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán);	thể.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán , cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	Bổ sung theo khoản 3 điều 27 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.	1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền). được được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị	Bổ sung theo khoản 1 điều 28 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

	hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.	
2.[Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. <u>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty</u>].	2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Bổ sung theo khoản 3 điều 28 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức vụ Giám đốc.	Bổ sung theo khoản 2 điều 29 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
<u>2.Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ</u>	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ sau đây:	Sửa đổi và làm rõ hơn so với điều lệ cũ, phù hợp theo khoản 3 điều 29 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo

<u>này.</u>		Thông tư 116/2020/TT-BTC.
	a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;	Bổ sung theo điểm a khoản 3 điều 29 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
	b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;	Bổ sung theo điểm b khoản 3 điều 29 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
	c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;	Bổ sung theo điểm c khoản 3 điều 29 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
	d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;	Bổ sung theo điểm d khoản 3 điều 29 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
	e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	Bổ sung theo điểm đ khoản 3 điều 29 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
	f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Bổ sung theo điểm e khoản 3 điều 29 điều lệ mẫu Phụ lục I

		ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Cập nhật STT
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	Cập nhật STT

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	
	2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.	Bổ sung theo Khoản 2 điều 30 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất <u>năm [(05) ngày làm việc]</u> trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần	Cập nhật STT, sửa theo quy định của Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:	Cập nhật STT
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Cập nhật STT

<p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.</p>	<p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.</p>	
<p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>6. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>Cập nhật STT, thay đổi cách dung từ phù hợp với quy định của Luật</p>
<p>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p>	<p>7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm</p>	<p>8. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm</p>	<p>Cập nhật STT, sửa theo quy định của Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	Cập nhật STT
9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:	10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:	Cập nhật STT
10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.	11. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.	Cập nhật STT
11. Biểu quyết	12. Biểu quyết	Cập nhật STT
12. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp	13. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp	Cập nhật STT

<p>đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p>	<p>đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p>	
<p>13.Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p>	<p>14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>14.Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	<p>15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>15.Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được</p>	<p>16. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã</p>	<p>Cập nhật STT</p>

tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.	được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.	
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:	2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:	
b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;	b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;	Thay đổi cách dung từ phù hợp với quy định của Luật
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:	4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:	
	i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;	Bổ sung theo điểm h khoản 3 điều 32 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Cập nhật STT
CHƯƠNG VIII. <u>GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC).</u> VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty.

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	
<p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u>, các <u>Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc)</u>, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	<p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty.</p>
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	
	<p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 điều 34 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>1. Theo đề nghị của <u>Giám đốc Tổng giám đốc</u> và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p>	<p>2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty, cập nhật STT</p>

<p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u>.</p>	<p>3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.</p>	
	<p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 4 điều 34 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u></p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty.</p>
<p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u>; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty:</p>	<p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty:</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty.</p>
<p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có</p>	<p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực</p>

<p>thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>tế cơ cấu quản trị công ty.</p>
<p>3. <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> có các quyền và nghĩa vụ sau:</p>	<p>3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty.</p>
<p>b. Quyết định các vấn đề mà không <u>cần phải có quyết định</u> của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p>	<p>b. Quyết định các vấn đề mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p>	<p>Sửa theo quy định tại Điểm a khoản 4 điều 35 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>4. <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p>	<p>4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty.</p>
<p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u>, mới thay thế.</p>	<p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty.</p>
<p>CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT</p>	

<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p>	<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p>	
<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành biểu quyết.</p>	<p>Sửa lại cách dùng từ cho phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 36 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p>	<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p>	
<p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là [ba (03)] người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 1 điều 38 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p><u>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 1 điều 38 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> và người điều hành khác cung cấp các thông tin</p>	<p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực</p>

liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;	báo cáo Ban kiểm soát;	tế cơ cấu quản trị công ty
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:	5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:	Bổ sung theo điểm c khoản 4 điều 37 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;	a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	Bổ sung theo điểm c khoản 4 điều 37 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
Điều 38. Ban kiểm soát	Điều 38. Ban kiểm soát	
1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:	1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:	
a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;	a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.	Bổ sung nội dung theo Khoản 1 điều 39 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) , người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội	c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc , người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị,	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty

đồng quản trị, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> và cổ đông;	Giám đốc và cổ đông;	
d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;	d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty
e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của <u>Luật doanh nghiệp.</u>	e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Sửa đổi theo Khoản 7 điều 39 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
h. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, <u>sáu tháng</u> và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;	h. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;	Sửa đổi cách dùng từ cho phù hợp với quy định của Luật
2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty

<p>cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
<p>3. Ban kiểm soát <u>có thể ban hành</u> các <u>quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức</u> hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p>	<p>3. Ban kiểm soát xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 1 điều 40 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 1 điều 40 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p><u>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát</u></p>		<p>Đưa nội dung xuống điều 39</p>

<p><u>hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</u></p>		
	<p>Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p>	<p>Bổ sung theo điều 41 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. 2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập 	<p>Bổ sung theo điều 41 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

	doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, <u>GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)</u> VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	
Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty
<u>Điều 40.</u> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	<u>Điều 41.</u> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Cập nhật STT điều
1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> và người điều hành khác	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty

<p>không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p>	<p>sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p>	
<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên, Giám đốc(Tổng giám đốc)</u> và người <u>điều hành</u> khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị <u>tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</u></p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 điều 47 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u>, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành</p>	<p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty</p>

<p>viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	
<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u>, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u>, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty</p>
<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm (20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u>, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p>	<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty</p>

<p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u>, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty</p>
<p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u>, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty</p>
	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 4 điều 47 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

	công ty.	
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Cập nhật STT điều
1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) , người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn trọng, cẩn trọng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của	2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc , người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn trọng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty

mình.		
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	
<u>Điều 42.</u> Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	<u>Điều 43.</u> Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Cập nhật STT điều
	1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;	Điểm a khoản 1 điều 49 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
<u>1.</u> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được <u>kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này</u> trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công	Bổ sung theo b khoản 1 điều 49 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, cập nhật STT

	chứng của giấy ủy quyền này.	
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc</u> và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty, cập nhật STT
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.	4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.	Cập nhật STT
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Cập nhật STT
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	Cập nhật STT điều
<p>1. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</p>	<p>1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</p>	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty
<p>2. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	Điều 45. Phân phối lợi nhuận	Cập nhật STT điều
<p><u>7. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.</u></p>		Lược bỏ khoản này do Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn luật sẽ quy định rõ quy trình về việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho CT đại chúng

<p>8.Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>7.Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p>	<p>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p>	
<p><u>Điều 46. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</u> <u>Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.</u></p>		<p>Bỏ nội dung do đây là quy định của luật cũ</p>
<p>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</p>	<p>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</p>	
<p>Điều 49. Báo cáo tài chính năm, <u>sáu tháng</u> và quý</p>	<p>Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</p>	<p>Sửa lại cách dung từ cho phù hợp với quy định của Luật</p>
<p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm</p>	<p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm</p>	<p>Sửa đổi nội dung báo cáo không cần đợi ĐHĐCĐ thông qua, chỉ cần có kiểm toán từ đơn vị kiểm toán được chấp thuận</p>

<p>đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	
<p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi cách dùng từ cho phù hợp với quy định của luật</p>
<p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính bán niên được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi cách dùng từ cho phù hợp với quy định của luật</p>
<p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo bán niên và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>Sửa đổi cách dùng từ cho phù hợp với quy định của luật</p>
<p>Điều 50. Báo cáo thường niên</p>	<p>Điều 50. Báo cáo thường niên</p>	
<p>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ</p>	<p>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên</p>	<p>Sửa đổi theo điều 56 Điều lệ</p>

<p><u>trợ khác phải được công bố ra công chúng</u> theo <u>những</u> quy định của <u>Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh</u> theo các quy định của <u>Luật Doanh nghiệp</u>.</p>	<p>theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>mẫu, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>
<p>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</p>	<p>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</p>	
<p>Điều 51. Kiểm toán</p>	<p>Điều 51. Kiểm toán</p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2, điều 57 Điều lệ mẫu, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>
<p>CHƯƠNG XVII. CON DẤU</p>	<p>CHƯƠNG XVII. CON DẤU</p>	
<p>Điều 52. Con dấu</p>	<p>Điều 52. Con dấu</p>	
	<p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 điều 58 Điều lệ mẫu, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số</p>

		116/2020/TT-BTC
1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.	2. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.	Cập nhật STT
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành	3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành	Cập nhật STT, Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	
Điều 53. Chấm dứt hoạt động	Điều 53. Chấm dứt hoạt động	
1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:	1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:	
a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, <u>kể cả sau khi đã</u> gia hạn;	a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty mà không có quyết định gia hạn;	Sửa đổi theo Điểm a khoản 1 điều 59 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC
c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;	Bổ sung theo Điểm c khoản 1 điều 59 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	

NỘI BỘ	NỘI BỘ	
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	
1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác. Điều lệ Công ty, các qui định giữa:	1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác. Điều lệ Công ty, các qui định giữa:	
b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> Công ty hay người điều hành khác;	b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc , Công ty hay người điều hành khác;	Điều chỉnh cho đúng với thực tế cơ cấu quản trị công ty
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	
Điều 58. Ngày hiệu lực	Điều 58. Ngày hiệu lực	
1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .	1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh nhất trí thông qua ngày ... tháng 01 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Bổ sung thời gian thông qua Điều lệ.
<p>Lưu ý:</p> <p>- Một số điều chỉnh thuật ngữ viết tắt “HDQT” thành thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị” có thể được tự động thay đổi mà không được đề cập trong Phụ lục này nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.</p> <p>- Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo</p>		

tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.

DỰ THẢO

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình số/TT-ĐHĐCĐ (V/v Sửa đổi Quy chế quản trị Nội bộ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh), ngày tháng 01 năm 2023)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Điều lệ sửa đổi” là phần **màu đỏ, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Quy định tại quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	Bổ sung thêm kết cấu chương và mục phù hợp với Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ</p> <p>Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả; - Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông; - Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty; - Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty; - Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng. <p>b) Luật doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 40 Luật chứng khoán

tháng 06 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Công ty* là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh;

e) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một phần của công ty cổ phần;

f) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

g) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành theo quy định của Điều lệ công ty;

j) *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* (sau đây gọi là “thành viên không điều hành”) là thành viên Hội đồng quản trị không phải Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

k) *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị* (sau đây gọi là “thành viên độc lập”) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp;

	<p>l) <i>Người có quan hệ gia đình</i> bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;</p> <p>m) <i>Người nội bộ</i> là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>n) <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p>	
	<p>CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Mục 1. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	Bổ sung thêm kết cấu chương và mục phù hợp với Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</u>	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung tên điều theo khoản 1, điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC Tách điều 2 cũ thành 2 điều mới
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.	2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Quy chế này và khoản 1 điều 15 Điều lệ công ty.	Bổ sung cụ thể quy định và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty
	3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các	Bổ sung quy định theo khoản 2

	vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.	điều 15 Điều lệ Công ty
	<p>4. Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p>	Bổ sung các hình thức dự họp theo quy định tại khoản 3 điều 144 Luật doanh nghiệp
	<p>5. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.</p>	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 272 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
<p><u>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>13.Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong</p>	<p>6. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý</p>	Chuyển khoản 13 điều 2 Quy chế cũ đến điều khoản 6 điều 3 Quy chế mới

<p>trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>kiến bằng văn bản.</p>	
<p>14.Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>7.Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên</p>	<p>Chuyển khoản 14 điều 2 Quy chế cũ đến điều khoản 7 điều 3 Quy chế mới</p>
<p>15.Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều lệ Công ty</p>	<p>8.Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như quy định tại khoản 7 điều này được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều lệ Công ty</p>	<p>Chuyển khoản 15 điều 2 Quy chế cũ đến điều khoản 8 điều 3 Quy chế mới</p>
<p>16.Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>9.Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại</p>	<p>Chuyển khoản 16 điều 2 Quy chế cũ đến điều khoản 9 điều 3 Quy chế mới</p>
	<p>Mục 2. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung thêm kết cấu mục phù hợp với Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo</p>

		Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Điều 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung điều theo điểm a khoản 2, điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC Các khoản 1, 2, 3 của điều này tương ứng theo thứ tự là các khoản 3, 4, 5 điều 2 quy chế cũ
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 27. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền cụ thể tại khoản 7 Điều 20 Điều lệ Công ty.	4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc như theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 18 Điều lệ công ty. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền cụ thể tại khoản 7 và khoản 8 điều 20 Điều lệ Công ty.	Bổ sung theo điểm a khoản 2 điều 18 Điều lệ công ty Chuyển khoản 27 điều 2 Quy chế cũ đến điều khoản 4 điều 4 Quy chế mới
	5. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Bổ sung theo Khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty
28. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều 20 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.	6. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều 20 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.	Chuyển khoản 28 điều 2 Quy chế cũ đến điều khoản 6 điều 4 Quy chế mới
	Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và điểm a khoản 2 Điều lệ Công ty

	<p>gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất</p> <p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).</p>	
	<p>Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 273 nghị định 155/2020/NĐ-CP và điểm b khoản 4 điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
<p><u>19. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty Thay thế khoản 19 điều 2 quy chế cũ
<p><u>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p><u>21. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 20 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp được nêu rõ tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình họp, nội dung cuộc họp.</p> <p>2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 2 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty
<p><u>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào</p>	Chuyển khoản 8 điều 2 Quy chế

<p>8.Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>cũ đến điều khoản 3 điều 8 Quy chế mới</p>
	<p>Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Bổ sung điều phù hợp với quy định tại điểm e khoản 2 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>10.Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>1.Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>Chuyển khoản 10 điều 2 Quy chế cũ đến điều khoản 1 điều 9 Quy chế mới</p>
<p>11.Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p>	<p>2.Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p>	<p>Chuyển khoản 11 điều 2 Quy chế cũ đến điều khoản 2 điều 9 Quy chế mới</p>

<p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
	<p>Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết trực tiếp được quy định tại Khoản 1, 2 và 3, Điều 20 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm g khoản 2 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
<p><u>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>22. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 19 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 19 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung điều phù hợp với quy định tại điểm h khoản 2 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Chuyển khoản 22 điều 2 Quy chế cũ đến điều 11 Quy chế mới</p>
<p><u>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>23. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 20 Điều lệ Công ty.</p> <p>24. Cổ đông có thể lựa chọn biểu quyết, bầu cử bằng cách bỏ trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp; hoặc biểu quyết, bầu cử thông qua Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Kết quả bỏ phiếu điện tử cũng có giá trị như cổ đông bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội.</p>	<p>Điều 12. Thẻ thức tiến hành họp và cách thức biểu quyết, bỏ phiếu, khiếu phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 20 Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</p>	<p>Bổ sung điều phù hợp với quy định tại điểm k, l, n khoản 2 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Chuyển khoản 23 điều 2 Quy chế cũ đến điều 12 Quy chế mới</p> <p>Loại bỏ khoản 24 điều 2 Quy chế cũ, quy định chi tiết trong điều 12 mới</p> <p>Bổ sung phù hợp với quy định</p>

		tại khoản 5 điều 146 Luật doanh nghiệp
	<p>Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; 2. Định hướng phát triển công ty; 3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; 4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; 5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 25% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; 6. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hằng năm; 7. Tổ chức lại, giải thể công ty. 	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm I khoản 2 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty và điều 147 LDN
	<p>Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm m khoản 2 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty
	<p>Điều 15. Các thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm 0 khoản 2 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư

	<p>vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	<p>116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty Điều 132 Luật Doanh nghiệp</p>
	<p>Điều 16. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm p khoản 2 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
	<p>Điều 17. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm q khoản 2 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>Doanh nghiệp</p> <p>2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo các phụ lục đính kèm khác (nếu có) đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty, Cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành và biểu quyết của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung nghị quyết, biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định tại Điều 15 Quy chế này.</p> <p>3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.</p>	
	<p>Điều 18. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm p, q khoản 2 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
	<p>Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực</p>	<p>Bổ sung thêm kết cấu mục phù hợp với khoản 3 điều 2 Mẫu quy</p>

	tuyển và bỏ phiếu điện tử	ché QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Điều 19. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử	Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 4 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 4 Quy chế này	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm a khoản 4 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty
	2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông a) Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 5 và Điều 6 Quy chế này. b) Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm a khoản 4 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty
<u>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</u> <u>25.</u>	3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông a) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) tham dự họp thông qua hình thức hội	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm b khoản 4 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban

<p>f) Cổ đông phải chuẩn bị các điều kiện về thiết bị, kết nối để có thể truy cập và tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo chương trình, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đã được Công ty thông báo.</p>	<p>nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp (trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến) theo quy định tại Điều 12 Quy chế này và theo hướng dẫn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c) Cổ đông phải chuẩn bị các điều kiện về thiết bị, kết nối để có thể truy cập và tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo chương trình, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đã được Công ty thông báo.</p>	<p>hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p> <p>Chuyển điểm f khoản 25 điều 2 quy chế cũ thành điểm c khoản 3 điều 19 quy chế mới</p>
	<p>4. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử</p> <p>a) Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông/đại diện cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/đại diện cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn</p>	<p>Bổ sung dựa vào thực tế tổ chức ĐH trực tuyến</p>

	<p>trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.</p> <p>b) Khi Cổ đông/đại diện cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Công ty có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.</p> <p>c) Cổ đông/ đại diện cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</p>	
<p><u>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p><u>25.</u></p> <p><u>d) Cổ đông/đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện biểu quyết thông qua hệ thống của tổ chức phát hành ấn định.</u></p> <p><u>e) Cổ đông/đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau giờ khai mạc có quyền đăng ký tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ toạ không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho cổ đông/đại diện được ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.</u></p>	<p>5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:</p> <p>a) Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.</p>	<p>Bổ sung và thay thế điểm d, e khoản 25 điều 2 quy chế cũ phù hợp với quy định tại điểm c khoản 4 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>b) Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi giấy ủy quyền được lập đúng theo quy định của pháp luật dân sự và được lập thành bản cứng, có đầy đủ các nội dung như quy định tại khoản 2 điều 16 Điều lệ Công ty.</p> <p>c) Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.</p> <p>d) Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</p> <p>e) Cổ đông/đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau giờ khai mạc có quyền đăng ký tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông/đại diện được ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng</p>	
<p><u>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</u> <u>25.</u> <u>b) Cổ đông khi đăng nhập vào hệ thống họp trực tuyến của Công ty thì được coi là cổ đông trực tiếp tham dự</u></p>	<p>6. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.</p> <p>b) Cách thức ghi nhận cổ đông/đại diện cổ đông dự họp theo hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm d khoản 4 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p> <p>Thay thế điểm b khoản 25 điều 2 bằng điểm b khoản 6 điều 19</p>

	<p>họp của mỗi cuộc họp.</p>	<p>để việc quy định chi tiết cách thức ghi nhận tùy thuộc vào từng ĐH</p>
	<p>7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>a) Cách thức bỏ phiếu, thực hiện biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức họp và Quy chế bầu cử của mỗi cuộc họp.</p> <p>b) Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trực tuyến: Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại điểm a khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử.</p> <p>- Khi bỏ phiếu biểu quyết trực tuyến: Cổ đông/đại diện cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, cổ đông/đại diện cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.</p> <p>- Khi bỏ phiếu bầu cử trực tuyến: Việc giới thiệu ứng viên, bỏ phiếu bầu cử thực hiện theo phương thức bỏ phiếu và trực tuyến, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>c) Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, những cổ đông dự họp trực tiếp thực hiện biểu</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm e, g, h khoản 4 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>quyết/bầu cử theo cách thức trực tiếp hoặc trực tuyến được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức họp và Quy chế bầu cử của mỗi cuộc họp.</p> <p>8. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>a. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và tổng hợp kết quả biểu quyết, bầu cử của tất cả các cổ đông dự họp.</p>	
<p><u>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>b) Khi cổ đông thực hiện biểu quyết, bầu cử trực tuyến:</p> <p>- Số phiếu bầu của mỗi ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống theo: số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến. Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì các phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được coi là không tham gia biểu quyết và không được tính vào tổng số cổ phần khi kiểm phiếu.</p> <p>- Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh, hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận và sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng trước thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.</p>	<p>b. Số phiếu bầu của mỗi ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống theo: số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến. Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì các phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được coi là không tham gia biểu quyết và không được tính vào tổng số cổ phần khi kiểm phiếu.</p> <p>c. Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh, hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận và sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng trước thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.</p>	<p>Chuyển điểm b khoản 26 điều 2 quy chế cũ thành điểm b khoản 8 điều 19</p>
<p>c) Đối với những trường hợp cần thiết và nếu cổ đông yêu cầu, đại hội sẽ chỉ định một (01) hoặc một số cổ đông không có lợi ích liên quan đến nội dung biểu quyết, bầu cử thực hiện giám sát việc kiểm phiếu.</p>	<p>d. Đối với những trường hợp cần thiết và nếu cổ đông yêu cầu, đại hội sẽ chỉ định một (01) hoặc một số cổ đông không có lợi ích liên quan đến nội dung biểu quyết, bầu cử thực hiện giám sát việc kiểm phiếu.</p>	<p>Chuyển điểm c khoản 26 điều 2 quy chế cũ thành điểm d khoản 8 điều 19</p>
	<p>9. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>Kết quả kiểm phiếu/bầu cử sẽ được chủ tọa/Ban kiểm</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm h khoản 4 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban</p>

	<p>phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
<p><u>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</u> <u>25. Trường hợp cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:</u> c) Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến có thể phát biểu, góp ý với Đại hội thông qua hệ thống hình ảnh, âm thanh được kết nối với Ban tổ chức Đại hội hoặc thông qua màn hình hội thoại trực tuyến, gửi thư điện tử tới Ban thư ký Đại hội.</p>	<p>10. Thảo luận tại hội nghị trực tuyến a) Nguyên tắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông; - Chỉ có Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền mới Được tham gia thảo luận; - Cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội; - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Cổ đông/đại diện cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa. - Hình thức thảo luận cụ thể sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức họp của mỗi cuộc họp. <p>b) Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến có thể phát biểu, góp ý với Đại hội thông qua hệ thống hình ảnh, âm thanh được kết nối với Ban tổ chức Đại hội hoặc thông qua màn hình hội thoại trực tuyến, gửi thư điện tử tới Ban thư ký Đại hội.</p> <p>c) Giải đáp ý kiến của các Cổ đông/đại diện cổ đông: Trên cơ sở nội dung thảo luận của Cổ đông/đại diện cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Cổ đông/đại diện cổ đông. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp đến cổ đông bằng hình thức</p>	<p>Bổ sung phù hợp với thực tế ĐH trực tuyến</p>

	phù hợp.	
	<p>11. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 13 Quy chế này.</p> <p>b) Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 4 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty
	<p>12. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 22 Quy chế này.</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm i khoản 4 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty
	<p>13. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 17 Quy chế này.</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm k khoản 4 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty
	<p>14. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp như</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm k khoản 4 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty

	quy định tại Điều 18 Quy chế này.	
	<p>15. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.</p>	Bổ sung tương tự quy định đối với ĐH trực tiếp
	Mục 4. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Bổ sung thêm kết cấu mục phù hợp với khoản 3 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<p><u>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p><u>30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Điều 20. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 13 Quy chế này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.</p> <p>Điều 21. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 điều 2 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến điều lệ Công ty quy định chi tiết về hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>Thay thế khoản 30 điều 2 quy chế cũ</p>

cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

2. Chuẩn bị tài liệu, gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

a. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện tương tự quy định gửi thông báo mời họp tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.

3. Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện tương tự quy định gửi thông báo mời họp tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

4. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về cho cổ đông

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đầy đủ nội dung theo khoản 4 Điều 22 Điều lệ Công ty đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

5. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại

	<p>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7. Công bố biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Lưu trữ tài liệu:</p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>9. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty</p>	
	<p>Mục 5. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>Bổ sung thêm kết cấu mục phù hợp với khoản 3 điều 139 Luật doanh nghiệp và Điều 280, 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
	<p>Điều 22. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

	<p>2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>4. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và những người điều hành khác.</p> <p>6. Các kế hoạch trong tương lai.</p>	
	<p>Điều 23. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính</p>	<p>Phù hợp điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

	<p>của công ty.</p> <p>4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.</p> <p>6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.</p>	
<p><u>Điều 3. Hội đồng quản trị</u> <u>Qui định tại Chương VII Hội đồng quản trị gồm từ Điều 25 đến Điều 32 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>Loại bỏ điều này và Bổ sung thêm kết cấu chương phù hợp với điều 3 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ sau:</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 3 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

- | | | |
|--|---|--|
| | <ul style="list-style-type: none">a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;c. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;d. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;e. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;f. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của công ty;g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty;h. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán giữa công ty với những đối tượng được quy định tại điểm r khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công tyi. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, | |
|--|---|--|

bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của công ty;

j. Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp và trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điểm r khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty

k. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 22 Quy chế này;

l. Báo cáo về tình hình quản trị Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại Điều 159

Luật Doanh nghiệp;

b. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

c. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

d. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

e. Báo cáo Hội đồng quản trị giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc cổ đông lớn;

f. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật;

g. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị;

h. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức

	<p>hoặc cá nhân khác.</p> <p>i. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
	<p>Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 3 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>2. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền</p> <p>Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt;</p> <p>b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền;</p> <p>c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền;</p> <p>d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
	<p>Điều 26. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là năm (05) người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 điều 3 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo tuân thủ các quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.</p>	
	<p>Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể như sau:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại không quá năm (05) công ty khác.</p> <p>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;</p> <p>b. Không phải là người đang hưởng lương, thù</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 3 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công t</p>

lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành

	khác theo quy định của Điều lệ công ty.	
	<p>Điều 28. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty và khoản 2, 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Cách thức giới thiệu thêm ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 1 Điều này. Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Quy chế này và được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật</p> <p>3. Hồ sơ cần thiết cho việc đề cử, ứng cử thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 điều 3 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty
	Điều 29. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 điều 3 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban

	Công ty	hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty
	Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 27 Quy chế này; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 2 điều 3 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty

	<p>trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều 26 Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định;</p> <p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);</p> <p>c. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định;</p> <p>Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.</p> <p>5. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
	<p>Điều 31. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 2 điều 3 Mẫu</p>

	<p>đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none">1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này được tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Quy chế này.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty và khoản 2 Điều 25 Quy chế này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên	<p>quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
--	---	---

	<p>giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	
	<p>Điều 32. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 3 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
	<p>Điều 33. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng cuộc họp tối thiểu Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường</p> <p>2. Quy định về cuộc họp đầu tiên Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, trong các trường hợp sau đây:</p> <p>- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 4 điều 3 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>độc lập Hội đồng quản trị;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác; - Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị. <p>b. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị quy định tại điểm a khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm a Khoản này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại Điểm a Khoản này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	
	<p>Điều 34. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thông báo họp Hội đồng quản trị Việc thông báo họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 4 điều 3 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Điều kiện tổ chức họp, hình thức dự họp Hội đồng quản trị

Điều kiện tổ chức họp và hình thức dự họp Hội đồng quản trị tuân thủ quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều 30 Điều lệ Công ty

4. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

5. Cách thức biểu quyết

a. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ quy định tại khoản 11 và khoản 12 Điều 30 Điều lệ Công ty.

b. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

a. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

b. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

c. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

d. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

7. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian, địa điểm họp;

- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 7 Điều này.
- b. Chủ tọa và người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- c. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;
- d. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;
- e. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và

	<p>có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.</p> <p>8. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị</p> <p>Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông báo và công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
	<p>Điều 35. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 6 điều 3 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p> <p>3. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.</p>	
	<p>Điều 36. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ Người phụ trách quản trị Công ty Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 4 Điều 32 Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 7 điều 3 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>phụ trách quản trị Công ty</p> <p>a. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong những trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Không hoàn thành các công việc được giao; - Các trường hợp khác mà Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty cho phép. <p>b. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của Pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.</p> <p>Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
<p><u>Điều 4. Ban kiểm soát</u> <u>Quy định tại Chương IX Hội đồng quản trị gồm từ Điều 36 đến Điều 46 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>Loại bỏ điều này và Bổ sung thêm kết cấu chương phù hợp với điều 4 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>Điều 37. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty, và các quyền và nghĩa vụ</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 4 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-</p>

	<p>sau:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết	BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty
--	---	--

thức kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty;

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;

13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật

	Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	
	Điều 38. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên 1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên; 2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Và các trách nhiệm sau: a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông; b. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.	Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 4 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty

	<p>Trường hợp vi phạm quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.</p> <p>3. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty</p>	
	<p>Điều 39. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng kiểm soát viên Số lượng kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 điều 4 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.</p>	
	<p>Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;</p> <p>e. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>f. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;</p> <p>g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 4 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	
	<p>Điều 41. Đề cử, ứng cử kiểm soát viên</p> <p>1. Việc đề cử, ứng cử kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại điều 36 Điều lệ Công ty</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 1 Điều này. Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 40 Quy chế này và được đa số kiểm soát viên biểu quyết thông qua. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p> <p>3. Hồ sơ cần thiết cho việc đề cử, ứng cử thực hiện tương tự theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 điều 4 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
	<p>Điều 42. Cách thức bầu kiểm soát viên</p> <p>1. Cách thức biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 điều 4 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 56 Quy chế này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành

Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 2 điều 4 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty

	viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.	
	<p>Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm e khoản 2 điều 4 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty
	<p>Điều 45. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Kiểm soát viên</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm g khoản 2 điều 4 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty
	<p>Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Ban kiểm soát quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty.</p> <p>1.2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	Bổ sung tương tự đối với quy định của HĐQT/quy chế QTNB mẫu không quy định

<p><u>Điều 5. Giám đốc và người điều hành khác</u> <u>Qui định tại Chương VIII Hội đồng quản trị gồm từ Điều 33 đến Điều 35 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>CHƯƠNG V. GIÁM ĐỐC</p>	<p>Loại bỏ điều này và Bổ sung thêm kết cấu chương phù hợp với điều 4 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BT</p>
	<p>Điều 47. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc</p> <p>1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty và các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>b. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại điểm r khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty;</p> <p>c. Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 5 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>người được quy định tại điểm r khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.</p> <p>d. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này, gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.</p>	
	<p>Điều 48. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc</p> <p>1. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</p> <p>2. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 điều 5 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
	<p>Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc</p> <p>1. Ứng cử, đề cử Giám đốc</p> <p>Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm b, c, d khoản 2 điều 5 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động với Giám đốc theo quy định pháp luật.</p>	
	<p>Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 2 điều 5 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
	<p>Điều 51. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Giám đốc</p> <p>1. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>2. Tiền lương của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm e khoản 2 điều 5 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	
<p><u>Điều 6. Các hoạt động khác</u></p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p><u>5. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy địnhgiữa:</u></p> <p>a) <u>Cổ đông với Công ty;</u></p> <p>b) <u>Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm</u></p>	<p>CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC</p> <p>Điều 52. Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Loại bỏ một phần điều này và Bổ sung thêm kết cấu chương phù hợp với điều 6 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BT Chuyển khoản 1, 2, 3, 4 điều 6 thành khoản 1, 2, 3, 4 điều 52</p>

<p><u>soát, Giám đốc hay người điều hành khác;</u> <u>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</u> <u>6. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</u> <u>7. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</u></p>		
	<p>Điều 53. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 34 Quy chế này.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 điều 6 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
	<p>Điều 54. Thông báo Nghị quyết/Quyết định của Hội</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định</p>

	<p>đồng quản trị cho Ban kiểm soát</p> <p>Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>tại điểm b khoản 1 điều 6 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
	<p>Điều 55. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc</p> <p>Nghị quyết/ Quyết định Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 điều 6 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
	<p>Điều 56. Các trường hợp Ban kiểm soát và Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị</p> <p>a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp. - Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty; - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo 	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 điều 6 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

quy định tại Khoản 8 Điều 170 Luật Doanh nghiệp nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề Giám đốc cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;

d. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện

	<p>hành;</p> <p>e. Xin ý kiến HĐQT đối với Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;</p> <p>f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;</p> <p>h. Các nội dung khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	
	<p>Điều 57. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao</p> <p>1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;</p> <p>3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;</p> <p>4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;</p> <p>5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 điều 6 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.</p>	
	<p>Điều 58. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc</p> <p>Căn cứ vào báo cáo của Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 56 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Giám đốc.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 điều 6 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
	<p>Điều 59. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</p> <p>1. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị</p> <p>a. Các nội dung theo khoản 2 Điều 53 của Quy chế này;</p> <p>b. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.</p> <p>Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%)</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm g khoản 1 điều 6 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát</p> <p>a. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.</p> <p>c. Cách thức thông báo cho Ban kiểm soát thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.</p>	
	<p>Điều 60. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc</p> <p>1. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm h khoản 1 điều 6 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn</p>

	<p>đồng quản trị</p> <p>Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:</p> <p>a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;</p> <p>c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;</p> <p>d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công</p>	chiều đến Điều lệ Công ty
--	--	---------------------------

ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc

a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng

cổ đông gần nhất;

c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty của BKS phải được gửi đến Giám đốc trước ít nhất bảy bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

**3. Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT:
Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.**

a. Khi có kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông

	<p>qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;</p> <p>c. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;</p> <p>e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 74 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi của HĐQT.</p>	
	<p>Điều 61. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác</p> <p>1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 6 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.</p> <p>5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.</p>	
	<p>Điều 62. Khen thưởng</p> <p>1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 60 của Quy chế này.</p> <p>2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Giám đốc phải lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 6 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>

	<p>quả kinh doanh thực tế hàng năm, Giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	
	<p>Điều 63. Kỷ luật</p> <p>1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 6 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và các dẫn chiếu đến Điều lệ Công ty</p>
	<p>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	<p>Bổ sung thêm kết cấu chương phù hợp với điều 7 Mẫu quy chế QTNB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BT</p>
	<p>Điều 64. Bổ sung và sửa đổi quy định về quản trị công ty</p> <p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ</p>	<p>Bổ sung quy định để đảm bảo quy chế này sẽ được thực hiện theo luật mới nếu có thay đổi ảnh hưởng</p>

	<p>đồng Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh thông qua.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.</p>	
<p><u>Điều 7.</u> Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Bản Quy chế này gồm <u>07 điều</u> được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh nhất trí thông qua <u>ngày 19 tháng 4 năm 2021</u> tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên năm 2021.</u></p>	<p><u>Điều 65.</u> Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Bản Quy chế này gồm 07 chương, 65 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh nhất trí thông qua ngày ... tháng ...năm 2023 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023.</p>	<p>Cập nhật số lượng chương, điều</p>

Số: 015-2022/PTSNT-TT-HĐQT

Vinh, ngày 16 tháng 01 năm 2023



TỜ TRÌNH

V/v Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (MCK: PTX) tại sàn giao dịch Upcom để thực hiện chuyển sàn niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Phương án chuyển sàn giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (MCK: PTX) từ sàn đăng ký giao dịch Upcom sang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), cụ thể như sau:

- Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu PTX tại sàn giao dịch Upcom để thực hiện chuyển sàn niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
- Mã chứng khoán: PTX
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chuyển sàn: Toàn bộ cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh đang lưu hành
- Thời gian thực hiện: Dự kiến trong năm 2023



+ Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: Quyết định thời điểm thực hiện chuyển sàn niêm yết cổ phiếu khi Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh đáp ứng đủ điều kiện niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật.

+ Quyết định và chỉ đạo các phòng ban liên quan thực hiện thủ tục cần thiết, hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu PTX tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thủ tục chuyển sàn giao dịch cổ phiếu PTX từ Upcom sang niêm yết tại HNX bao gồm và không giới hạn việc đăng ký niêm yết cổ phiếu tại HNX, hủy đăng ký giao dịch sàn Upcom, hồ sơ chuyển sàn gửi cho VSD, lựa chọn thời điểm và xác định giá cổ phiếu vào ngày giao dịch đầu tiên,...

+ Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc chuyển sàn giao dịch cổ phiếu PTX từ Upcom sang HNX.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- TCTy PTC (để b/c);
- Lưu HĐQT, website, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hoàng Công Thành



Vinh, ngày 16 tháng 01 năm 2023.



TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2021, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 có hiệu lực từ 01/03/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản pháp lý hướng dẫn thi hành;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (“Công ty”)

I. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát như sau:

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Ban kiểm soát đã thực hiện các sửa đổi, bổ sung đối với Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với các quy định dành cho Công ty đại chúng. Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung về Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được trình bày tại Phụ lục đính kèm tờ trình này.



II. Kiến nghị:

Các quy định của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế này theo các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- TCTy PTC (đề b/c);
- Lưu HĐQT, BKS, BGD, website, VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Anh Tuấn



Vinh, ngày 16 tháng 01 năm 2023

016



PETROLIMEX

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Quy chế quản trị bộ phận và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2021, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 có hiệu lực từ 01/03/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản pháp lý hướng dẫn thi hành;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh ("Công ty"),

I. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như sau:

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Hội đồng quản trị đã thực hiện các sửa đổi, bổ sung đối với



Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định dành cho Công ty đại chúng. Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung về Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được trình bày lần lượt tại Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm tờ trình này.

II. Kiến nghị

Các quy định của các Quy chế này được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành các Quy chế này theo các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- TCTy PTC (để b/c);
- Lưu HĐQT, BKS, BGD, website, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hoàng Công Thành





PETROLIMEX

PHIẾU BIỂU QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Số cổ phần biểu quyết

1988235

Cổ đông: TCTy dịch vụ xăng dầu Petrolimex